

SỐ 1762

## PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH YẾU GIẢI

*Tam Tạng pháp Sư Cưu-Ma la thập dịch.*

*Sa môn Ngẫu Ích Trí Húc ở Tây hữu, giải.*

Chư Phật thương xót chúng sinh mê muội, tùy cơ giáo hóa. Tuy về nguồn không hai mà phương tiện lại có nhiều môn, nhưng trong tất cả các phương tiện để vào con đường mau nhất viên đốn nhất, thì không gì hơn pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Trong tất cả pháp môn niệm Phật để tìm cầu một pháp môn đơn giản, dễ dàng và chắc chắn nhất thì không gì hơn Tín, Nguyện, chuyên trì danh hiệu. Cho nên ba bộ kinh Tịnh độ đều được lưu hành ở đời. Nhưng người xưa chỉ lấy kinh Di-đà làm thời khóa tụng hàng ngày. Như vậy đủ thấy rằng một pháp môn trì danh hiệu mà bao gồm cả ba căn, gom nhiếp cả lý và sự, hòa nhập tất cả Giáo tông. Đó chẳng phải là điều không thể suy nghĩ bàn luận đó sao!

Các nhà chú sớ xưa nay chẳng đời nào thiếu. Nhưng đến nay thì chẳng còn mấy người. Hòa thượng Vân Thê soạn sớ sao, văn nghĩa rất cao xa mà ngôn từ lại sâu rộng. Đại sư U Khê soạn Viên Trung Sao, nghĩa lý vừa sâu rộng lại vừa cao siêu, chẳng khác nào mặt trời mặt trăng hiện giữa bầu trời sanh, ai ai cũng thấy rõ. Nhưng do văn phong gom chứa, ý nghĩa lại dôi dào, khó mà thấu hiểu nên đã làm cho những người sơ cơ ít hiểu biết khó lòng phát tín, lập nguyện. Vì vậy tôi không ngại với kiến thức hẹp hòi của mình làm thêm phần Yếu Giải, nhưng nào dám mong trác tuyệt hơn hai Ngài, lại cũng không dám sánh ngang với hai Ngài.

Thí như ngược nhìn thì thấy ngọn núi, nhìn ngang thấy dãy núi, nếu không thấy được toàn cảnh Lô Sơn, thì cũng không thẹn với những người đã thấy được Lô Sơn.

Trước khi chú thích văn kinh, tôi nói qua năm lớp huyền nghĩa:

1. *Giải thích tên gọi:* Kinh này lấy người năng thuyết, sở thuyết mà đặt tên. Phật là Giáo chủ năng thuyết ở cõi Ta-bà, tức là Đức Thích-ca Mâu-ni. Ngài do nguyện lực Đại bi mà sinh vào cõi đời có năm thứ vấn đực, thành tựu tự giác, giác tha, chẳng có pháp nào mà Ngài không biết, chẳng có pháp nào mà Ngài không thấu suốt nên gọi là Phật.

Thuyết tức là vui với bản hoài độ sinh. Phật lấy việc độ sinh làm bản hoài. Khi căn cơ thành Phật của chúng sinh đã thuần thực, Phật liền nói những pháp khó tin, giúp cho chúng sinh được giải thoát an vui.

A-di-đà là Đạo sư sở thuyết ở cõi Cực lạc. Ngài phát bốn mươi tám đại nguyện, tiếp dẫn chúng sinh tín nguyện niệm Phật sinh về thế giới Cực lạc, giúp cho họ không bao giờ còn lui sụt.

Tiếng Phạm là A-di-đà, Hán dịch là Vô Lượng Thọ, cũng dịch là Vô Lượng Quang. Công đức, trí tuệ, thần thông, đạo lực, y báo chánh báo của Ngài vô cùng trang nghiêm tốt đẹp, ngay cả việc nói pháp giáo hóa, tất cả đều vô lượng kinh là pháp huấn thường.

Những gì từ miệng vàng của Phật nói ra đều được gọi là kinh. Đối chiếu với năm chữ “Phật nói A-di-đà” vừa nêu trên thì đây kết hợp tên chung và tên riêng làm tiêu đề. Giáo, Hạnh, Lý cũng được nói theo hai nghĩa chung riêng này, như tông Thiên Thai đã nói đầy đủ.

2. *Nói về thể:* Các kinh Đại thừa đều lấy thật tướng làm thể. Thật tướng là gì? Là tự tánh của một tự tâm hiện tiền. Tâm tánh trong một niệm hiện tiền của chúng ta chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, cũng không ở chặng giữa. Nó chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai; chẳng phải sanh vàng, đỏ, trắng; chẳng phải dài, ngắn, vuông, tròn; chẳng phải hương, vị, xúc, pháp. Tìm kiếm không bao giờ nắm bắt được, nhưng chẳng thể nói là không. Nó tạo đủ trăm cõi ngàn như, nhưng chẳng thể cho là có. Nó lia tất cả tướng duyên lự phân biệt, tướng ngữ ngôn văn tự, nhưng duyên lự phân biệt, ngữ ngôn văn tự chẳng phải lia tâm này mà có tự tánh riêng. Tóm lại, nó lia tất cả tướng, tức là tất cả pháp, vì lia tướng nên vô tướng, soi nhưng vì chẳng phải không có tướng nên tạm gọi là Thật tướng. Thể của Thật tướng chẳng phải vắng lặng, chẳng phải chiếu, nhưng vắng lặng mà thường chiếu, chiếu nhưng thường vắng lặng. Chiếu soi mà Vắng lặng nên tạm gọi là cõi Thường Tịch Quang. Vắng lặng nhưng Chiếu nên tạm gọi là Thanh tịnh Pháp thân.

Lại Chiếu soi nhưng Vắng lặng nên tạm gọi là pháp thân, Vắng lặng mà Chiếu nên tạm gọi là Báo thân. Lại, Tánh đức Vắng lặng mà Chiếu soi nên tạm gọi là pháp thân; Tu đức Vắng lặng mà Chiếu soi nên tạm gọi là Báo thân. Lại tu đức Chiếu soi nhưng Vắng lặng nên tạm gọi là Thọ Dụng thân, tu đức Vắng lặng nhưng Chiếu soi nên tạm gọi là Ứng Hóa thân. Vắng lặng chiếu soi chẳng hai, Thân độ chẳng hai, Tánh tu chẳng hai, Chân thân Ứng thân chẳng hai, tất cả đều là thật tướng. Thật tướng chẳng hai cũng chẳng phải chẳng phải hai. Cho nên từ toàn thể này mà tạo ra y báo, chánh báo, pháp thân, báo thân, tự, tha... cho đến năng thuyết sở thuyết, năng độ sở độ, năng tín sở tín, năng nguyện sở nguyện, năng trì sở trì, năng sinh sở sinh, năng tán sở tán. Tất cả đều là tướng từ Thật tướng vô tướng này hình thành nên.

3. *Nói về Tông*: Tông là con đường chính yếu cho người tu hành. Nó hợp với thể, khế với cơ, là mấu chốt của muôn hạnh. Vì vậy sau phần Thể là phải nói về Tông. Kinh này lấy Tín, Nguyện và chuyên trì danh hiệu làm giềng mối cho việc tu hành. Nếu không có Tín thì không thể phát Nguyện, nếu không có nguyện thì không thể lập Hạnh. Nếu không có hạnh mâu trì danh thì không thể viên mãn được sở nguyện, không thể thân chứng được sở tín. Do đó phần đầu trong kinh này nêu lên Y báo Chánh báo để phát khởi tín tâm; kế là khuyên chúng sinh phát nguyện để dẫn dắt công hạnh. Kế nữa là nêu bảy ngày trì danh để chúng sinh vượt lên quả vị không lui sụt.

Tín thì có tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín sự, tín lý. Nguyện thì có chán bỏ Ta-bà, ưa cầu Cực Lạc. Hạnh thì có chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn.

Tín tự tức là tin tâm ta trong một niệm hiện tiền vốn không phải là trái tim bằng thịt này, lại cũng không phải là tâm duyên theo cảnh. Xét về thời gian thì chẳng có trước sau, nói về không gian thì chẳng có bến bờ. Suốt ngày tùy duyên nhưng suốt ngày bất biến. Cõi nước như cát bụi trong mười phương hư không vốn là vật do tâm trong một niệm hiện tiền của ta biến hiện. Dù bị mê mờ điên đảo, nhưng nếu ta có một niệm quay đầu lại, thì chắc chắn được sinh về Cực lạc vốn sẵn có trong tự tâm, mà chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Tín tha tức là tin Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai không hề nói sai, tin Đức Di-đà Thế tôn không hề nguyện suông. Chiếc lưới rộng dài của Chư Phật trong sáu phương không hề nói hai lời. Thực hành đúng với những lời dạy bảo chân thật của Chư Phật, quyết chí cầu sinh Tịnh Độ chẳng còn nghi ngờ gì.

Tín nhân tức là tin chắc rằng, dùng tâm tán loạn niệm Phật mà còn là hạt giống để thành Phật, hướng chi nhất tâm bất loạn lẽ đâu lại chẳng phải là nhân vãng sinh Tịnh độ ư?

Tín quả tức là tin chắc các vị Thượng thiện nhân nhóm họp trong Tịnh độ, đều nhờ niệm Phật Tam-muội mà vãng sinh. Thí như trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì được đậu. Lại như bóng theo hình, vang theo tiếng. Đó là điều chắc thật không hề luống dối.

Tín sự tức là tin chắc một niệm hiện tiền này vốn không cùng tận, cho nên các thế giới trong mười phương nương tâm này biến hiện ra cũng không cùng tận. Thật có cõi nước Cực lạc cách đây mười muôn ức cõi. Cõi ấy vô cùng trang nghiêm thanh tịnh, chứ không phải là những câu chuyện ngụ ngôn của Trang Sinh.

Tín lý là tin chắc cõi Cực lạc tuy cách xa mười muôn ức cõi nhưng không vượt ngoài một tâm niệm nhỏ nhiệm ngay trong đời này. Vì tâm tánh trong một niệm hiện tiền của chúng ta vốn không có trong ngoài. Lại tin chắc rằng Y báo, Chánh báo, chủ, bạn ở Tây phương đều là bóng hiện của tâm trong một niệm chân tâm mẫu nhiệm, sáng tỏ hiện tiền. Toàn sự tức lý, toàn vọng tức chân, toàn tu tức tánh, toàn tha tức tự, vì tâm ta trùm khắp, nên tâm Phật cũng biến khắp, tâm tánh của tất cả chúng sinh cũng trùm khắp. Thí như một ngôi nhà thấp ngàn ngọn đèn, ánh sáng của mỗi ngọn cùng chiếu khắp, lớp lớp chiếu rọi lẫn nhau chẳng hề bị ngăn ngại.

Đã tin được như vậy rồi, thì Ta-bà tức là Cõi uest do tự tâm chiêu cảm. Khi tự tâm uest thì phải chán bỏ. Cực lạc là cõi Tịnh do tự tâm chiêu cảm, khi tự tâm tịnh thì phải ưa cầu. Chán uest thì phải xả bỏ đến chỗ rốt ráo, thì mới không còn đối tượng để xả bỏ. Thích tịnh thì phải nắm giữ đến chỗ rốt ráo, mới không còn gì để nắm giữ. Vì thế Diệu Tông Sao chép: Lấy bỏ đến chỗ tận cùng thì đồng với chẳng lấy bỏ. Giả sử không còn lấy bỏ, thì vẫn còn chẳng thủ chẳng xả. Đó là chấp lý mà bỏ sự. Một khi bỏ sự thì lý không thể viên mãn. Nếu rõ biết được toàn sự tức lý, thì lấy cũng là lý mà bỏ cũng là lý, dù thủ hay xả đều là pháp giới. Vì vậy sau Tín phải nói về Nguyện.

Chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn, dùng danh hiệu để chiêu cảm công đức; công đức thì không suy nghĩ bàn luận, nên Danh hiệu cũng không thể suy nghĩ bàn luận. Danh hiệu, công đức đều không thể suy nghĩ bàn luận, cho nên những người tâm tán loạn xưng danh vẫn gieo được giống Phật, người chấp trì đến nhất tâm bất loạn thì sao không lên thẳng quả Không lui sụt. Thế nhưng, các kinh nêu bày yếu

hạnh của Tịnh độ có ngàn sai muôn khác, như quán tưởng, quán tưởng, lễ bái, cúng dường, năm cách sám hối, lục niệm... Chỉ cần thành tựu được một công hạnh thì đều được sinh Tịnh độ. Bởi pháp môn trì danh hiệu rất phù hợp với từng căn cơ của chúng sinh. Cho nên Đức Phật Thích-ca không ai hỏi mà tự nói. Ngài đặc biệt khai giảng kinh này cho Đại trí Xá-lợi-phất. Đây là phương tiện bậc nhất trong tất cả phương tiện, là pháp liễu nghĩa vô thượng trong các pháp liễu nghĩa, là pháp viên đốn nhất trong các pháp viên đốn. Nên người xưa chép: Bỏ phèn lóng nước vào nước đục thì nước đục ấy chắc chắn sẽ trong, danh hiệu Phật gieo vào tâm kẻ loạn, thì người loạn tâm chắc chắn sẽ thành Phật. Tín, Nguyện, Trì danh là nhân chân thật của Nhất thừa, bốn cõi Tịnh độ là Diệu Quả của Nhất thừa. Nếu có nhân thì phải có quả cùng theo. Vì vậy lấy Tín, Nguyện, trì danh làm Chánh Tông của kinh. Còn tướng của bốn cõi Tịnh độ trong Diệu Tông Sao và Phạm võng Huyền nghĩa, đã giải thích rất rõ. Vì vậy, phần giải thích Y báo, Chánh báo sẽ nêu lược.

4. *Bàn về Lục dụng*: Kinh này lấy việc vãng sinh Không lui sụt làm lục dụng. Vãng sinh có bốn cõi, mỗi cõi có chín phẩm. Nay nói lược về tướng được vãng sinh trong bốn cõi.

Nếu người chấp trì danh hiệu, nhưng hoặc Kiến tư chưa dứt, tùy theo người đó tán tâm hay định tâm mà được sinh về cõi Đồng cư và cũng chia thành ba bậc chín phẩm.

Nếu người trì danh đến sự nhất tâm bất loạn, Kiến tư hoặc lần lượt dứt sạch, thì được sinh về Tịnh độ Phương tiện Hữu dư.

Nếu người trì danh đến lý nhất tâm bất loạn, hoặc phá được một phần vô minh, cho đến phá được bốn mươi một phần, thì được sinh về Tịnh độ Thật báo Trang Nghiêm, cũng chính là phần chứng cõi Thường Tịch Quang.

Nếu vô minh đã dứt hết, thì lên thẳng Thượng thượng Thật báo, cũng là Rốt ráo Tịch Quang.

Không lui sụt có bốn nghĩa:

1. Niệm không lui sụt: Phá vô minh, hiển bày Phật tánh, sinh thẳng vào Thật báo, phần chứng được Tịch Quang.

2. Hạnh không lui sụt: Kiến tư hoặc đã đoạn, Trần sa hoặc cũng phá, sinh trong Phương tiện độ, dần dần chứng đến Cực quả.

3. Vị không lui sụt: Đối nghiệp vãng sinh, sinh trong Cõi Đồng cư, thác sinh trong hoa sen, vĩnh viễn lìa các duyên làm mình thối thất.

4. Rốt ráo không lui sụt: Bất luận là người này dốc lòng hay tán

tâm, hữu tâm hay vô tâm, hiểu biết hay không hiểu, hễ danh hiệu Phật Di-đà, hay danh hiệu Chư Phật sáu phương, hoặc tên kinh này lọt vào tai họ một lần, thì đến ngàn muôn kiếp sau, nhờ nhân duyên này mà được giải thoát hoàn toàn. Thí như nghe tiếng độc hại thì xa gần đều chết, nếm một chút Kim cương thì chắc chắn không tiêu.

Lại, những người mang nghiệp vãng sinh về Tịnh độ Đồng cư, chứng quả vị Không lui sụt đều cùng câu hội với các vị Bồ xứ, đều được Nhất sinh bổ xứ thành Phật. Các vị Thượng thiện ở chung một xứ tức là sinh trong Đồng cư, cũng chính được vãng sinh về ba độ. Một đời được Bồ xứ thành Phật là vị Không lui sụt, nghĩa là đã viên chứng được ba không lui sụt. Với lực dụng như thế này thì ngàn kinh vạn Luận đều chưa hề nói đến. So với Chánh nhân đốn ngộ của bao kinh luận, thì Chánh do đó chỉ dần dần xuất trần mà thôi. Còn như đời đời không lui sụt thì mới mong đạt đến quả Phật. Việc này đâu thể nói ngay được, kể trí của Tông môn, sao khỏi phải suy gẫm!

5. *Nói về giáo tướng*: Đây là phần Giáo tướng thuộc về Bồ-tát Đại thừa lãnh hội, là kinh Vô vấn tự thuyết; kinh được Chư Phật vận dụng triệt để tâm Đại từ che chở. Kinh này làm cho chúng sinh nghiệp chướng sâu dày trong đời mạt pháp nương đây mà lên thẳng quả vị Không lui sụt. Cho nên, trong đời vị lai, khi kinh pháp đã diệt tận, chỉ còn kinh này lưu hành ở thế gian khoảng một trăm năm, độ thoát vô lượng hàm thức. Như thuốc A-già-đà trị được muôn bệnh, vốn viên dung, dứt tuyệt đối đãi, không thể suy nghĩ bàn luận. Đây là pháp nhiệm mầu sâu kín của Hoa Nghiêm, là pháp ẩn mật cốt tuỷ của kinh Pháp Hoa. Tâm yếu của tất cả Chư Phật, là kim chỉ nam của hàng Bồ-tát vạn hạnh. Cho nên muốn khen ngợi ngợi khen, dẫn đến ngàn kiếp cũng không thể nào giảng nói hết được. Người trí hãy tự suy xét!

Chánh văn chia làm ba phần, phần Tựa, phần Chánh tông và phần Lưu thông. Ba phần này được gọi là Sơ thiện, Trung thiện và Hậu thiện, không thể thiếu phần nào. Phần Tựa giống như cái đầu, năm giác quan đều có đủ. Phần Chánh tông giống như thân, đầy đủ sáu phủ năm tạng. Phần Lưu thông giống như tay chân, đi đứng không trở ngại. Vì thế, Đại sư Trí Giả khi chú thích kinh Pháp Hoa, thì Ngài lấy phẩm đầu tiên làm phần tựa, mười lăm phẩm rưỡi ở giữa làm phần chánh tông, mười một phẩm rưỡi sau làm phần lưu thông. Lại, trong Bản môn và Tích môn, mỗi môn chia làm ba phần, tức là năm phẩm từ phẩm Pháp sư trở đi là Tích môn lưu thông. Vì bài tựa là phần nêu bày cương yếu cho cả bộ kinh, phần lưu thông là phần pháp thí đến tận đời sau. Vì vậy hai phần

này quan hệ với nhau rất mật thiết. Do người đời sau không thấu đạt được nghĩa lý, thấy văn kinh có vài phần nghĩa lý khế hợp với Chánh tông, nên phán định và sáp nhập với phần này, giúp cho phần tựa và phần lưu thông chỉ còn phần ngắn. Như vậy làm sao gọi phần đầu cũng thiện, phần giữa cũng thiện, phần sau cũng thiện được?

## A. PHẦN TỰA: Có hai:

### I. Tựa chung

#### 1. Thời gian và nơi chốn:

*Chánh kinh*: Như vậy tôi nghe, một thuở nọ Đức Phật ở trong rừng cây Thái tử Kỳ-đà, vườn trưởng giả Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

“Như thật” là nêu kính tin và sự thuận theo. “Tôi nghe” là nói thầy truyền lại cho mình. “Một thuở nọ” là phần cơ cảm. “Phật” là nêu Giáo chủ. “Xá-vệ”... là là nơi nói kinh là rừng cây Thái tử kỳ-đà, vườn trưởng giả Cấp Cô độc ở nước Xá-vệ. Diệu lý thật tướng như thế xưa nay không hề thay đổi gọi là Như. Nương lý Thật tướng này mà niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, không bao giờ sai, gọi là tôi nghe: A-na biết rõ lý thật tướng phải Ngã, chẳng phải Vô Ngã, không hoại Giả danh, vẫn xưng là ngã. Nhĩ căn phát ra Nhĩ thức, đích thân nghe được viên âm, như lấy không mà ấn không thì gọi là Nghe. Một “Thời”, thời vốn không phải pháp thật, do mối đạo giữa thầy trò khế hợp, nói nghe đều tròn đủ, nên gọi là một thời Phật. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, làm bậc Đại sư của Trời, Người gọi là Phật. Xá-vệ Hán dịch là Văn vật, là tên một nước lớn thuộc trung Ấn độ, là kinh đô của vua Ba-tư-nặc. Thái tử của vua này tên là Kỳ-đà, Hán dịch là Chiến Thắng. Quan đại thần của nhà vua tên là Tu-đạt-đa, Hán dịch là Cấp cô độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc trải vàng kín mặt đất để mua khu vườn của Thái tử cúng dường Đức Phật và Tăng chúng. Thái tử cảm kích lòng tôn kính Phật của ông ta nên cho luôn những khoảnh đất chứa trải vàng kín. Vì vậy nên gọi chung là rừng cây Thái tử Kỳ-đà vườn Trưởng giả Cấp cô độc.

#### 2. Đại chúng cùng nghe:

Sở dĩ Thanh văn đứng đầu vì đây là tướng xuất thế, họ thường theo Phật; Phật pháp phải nhờ những vị Tăng này truyền bá. Kế là các Bồ-tát vì đây là tướng Bất định, không thường theo Phật, biểu trưng cho Trung đạo. Người trời được nêu sau cùng vì đây là tướng thế gian. Đây là chúng ngoại hộ Phật pháp, phạm thánh ở chung.

#### a. Chúng Thanh văn:

KINH: Cùng với các vị Đại Tỳ-kheo tăng, một ngàn hai trăm năm

mười vị.

Đại Tỳ-kheo tức là những vị xuất gia thọ giới Cụ túc. Tiếng Phạm là Tỳ-kheo, có ba nghĩa nêu không dịch. Ba nghĩa ấy là:

- Khất sĩ: Những người dùng một bình bát để nuôi thân, ngoài ra không chứa nhóm của cải, chuyên cầu xuất ly.

- Phá ác: Dùng chánh tuệ quán sát, phá trừ phiền não ác, không rơi vào ái kiến.

- Bố ma: Phát tâm thọ giới, dùng pháp Yết-ma thành tựu, ma quân liền khiếp sợ.

Tăng, nói đủ là Tăng-già, Hán dịch là hòa hợp chúng. Đồng chứng Vô vi giải thoát thì gọi là Lý hòa. Thân ở chung, miệng không tranh cãi, ý thường vui vẻ, kiến giải cùng giải thích cho nhau nghe, giới thì cùng tu, lợi thì chia đều, đó gọi là sự hòa.

Một ngàn hai trăm năm mươi vị (1.250) gồm có: Thầy trò ba anh em Ngài Ca-diếp tổng cộng một ngàn người, thầy trò Thân tử, Mục liên hai trăm người và Da-xá... cả thầy năm mươi người nữa. Họ là những người được độ thoát khi Phật thành đạo chưa bao lâu. Họ cảm ân đức sâu dày của Phật, nên thường theo hầu Phật.

- Nêu vị khen đức:

*Chánh Kinh:* Chúng đó đều là Đại A-la-hán, mọi người đều biết. Đại A-la-hán là nêu vị, mọi người đều biết là khen đức.

A-la-hán có ba nghĩa:

1. Ứng cúng: là quả của Khất sĩ.
2. Sát tặc: là quả của Phá ác.
3. Vô sinh: là quả của Bố ma.

Lại có ba loại La-hán: Tuệ Giải thoát, Câu giải thoát và Vô nghi giải thoát. La-hán mà đoạn văn kinh đề cập đều là những vị Vô nghi giải thoát, nên gọi là Đại A-la-hán. Lại, họ vốn là pháp thân Đại sĩ thị hiện làm Thanh văn, chứng pháp môn Tịnh độ không thể suy nghĩ bàn luận này, nên gọi là Đại. Theo Phật xoay bánh xe pháp, làm lợi ích khắp cả trời người nên gọi là mọi người đều biết.

Kinh: Đó là Trưởng lão Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-la, Ma-ha Câu-hy-la, Ly-bà-đa, Châu-lợi-bàn-đà-già, Nan-đà, A-nan-đà, La-hầu-la, Kiền-phạm-ba-đề, Tân-đầu-lô-phả-ba-đọa, Ca-lưu-đà-di, Ma-ha Kiếp-tân-na, Bạt-câu-la, A-nâu-Lâu-đà,... các Đại đệ tử như thế.

Hạ cao đức trọng gọi là Trưởng lão. Tôn giả Thân Tử (Xá-lợi-phất) là bậc Trí tuệ bậc nhất trong chúng Thanh văn. Tôn giả Mục-kiền-liên



là vị có thần thông bậc nhất. Tôn giả Âm Quang (Ca-diếp) toàn thân có ánh sáng vàng, được Phật truyền tâm ấn làm sơ tổ, là người có hạnh đầu đà bậc nhất. Tôn giả Văn Sức (Ca-chiên-diên) thuộc dòng dõi Bà la môn, là người có tài Nghị luận bậc nhất. Tôn giả Đại Tất (Câu-hy-la) là vị có tài hỏi đáp bậc nhất. Tôn giả Tinh Tú (Ly-bà-đa) là người có sức Định tâm bậc nhất. Tôn giả Kế Đạo (Châu-lợi-bàn-đà-già) do độn căn nên Ngài chỉ trì một bài kệ, nhập định giảng nói, Biện tài vô ngại, là vị Trì nghĩa bậc nhất. Tôn giả Hỷ (Nan-đà) là em ruột của Phật, là vị có Dung nghi bậc nhất. Tôn giả Khánh Hỷ (A-nan-đà) là em chú bác với Phật, lại là thị giả của Phật, là vị học rộng bậc nhất. Tôn giả Phú Chương (La-hầu-la) là Thái tử của Phật, là người có Mật hạnh bậc nhất. Tôn giả Ngưu Ty (Kiều-phạm-ba-đê) do đời trước gây ra nghiệp ác khẩu nên cảm dư báo này. Ngài là người được chư Thiên cúng dường bậc nhất. Tôn giả Bất Động (Tân-đầu-lô-phả-la-đọa) trụ lâu dài ở thế gian, đáng được người sau cúng dường, là Ruộng phước cho chúng sinh bậc nhất. Tôn giả Hắc Quang (Ca-lưu-đà-di) là sứ giả của Phật, là người giáo hóa chúng sinh bậc nhất. Tôn giả Phòng Túc (Ma-ha Kiếp-tân-na) là vị hiểu biết về các ngôi sao bậc nhất. Tôn giả Thiện Dung (Bạt-câu-la) là vị có Tuổi thọ lâu dài nhất. Tôn giả Vô Tham (A-lâu-đà-la) cũng là em chú bác với Phật, là vị có Thiên nhãn bậc nhất.

Các vị này thường theo chúng, vốn là các pháp thân Đại sĩ thị hiện thân Thanh văn để làm gương cho chúng. Nay nghe được công đức nhiếp thọ chúng sinh về Tịnh độ mà chúng được Tất Đản Bậc nhất Nghĩa. Họ tự bớt mạng sống tăng đạo lực, tự mình làm cõi Phật thanh tịnh, nên họ còn được gọi là chúng đương cơ.

b. Chúng Bồ-tát:

Kinh: Lại cùng chúng Bồ-tát Ma-ha-tát như: Pháp vương tử Văn- thù-sư-lợi, Bồ tát A-dật-đa, Bồ-tát, Càn-đa-ha-đê Bồ-tát, Thường Tinh tấn Bồ-tát... cùng với chư đại Bồ-tát như thế.

Bồ-tát Ma-ha-tát, Hán dịch là “Đại Đạo tâm thành tựu hữu tình”, là danh hiệu tôn xưng những vị bi trí song toàn, tự lợi lợi tha. Phật là Pháp vương, Ngài Văn-thù là người nối dõi giống Phật, nên tôn xưng Ngài là Pháp vương tử. Trí tuệ của Ngài xứng đáng là bậc nhất trong chúng Bồ-tát. Người không có thật trí mạnh mẽ thì không thể chứng hiểu được pháp môn Tịnh độ, nên Ngài là bậc thượng thủ trong chúng Bồ-tát. Bồ-tát Di-lặc ở đời đương lai sẽ thành Phật, nay hiện đang ở quả vị Đẳng giác, ngài lấy việc trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật một cách rất ráo thành Phật sự chính cho mình, nên đứng vào hàng thứ kế.

Bồ-tát Bất Hưu Tức (Cần-đà-ha-đề) là người trong nhiều kiếp tu hành chưa hề ngừng nghỉ. Bồ-tát Thường Tinh Tấn là vị thường làm lợi mình lợi người, không hề mỏi mệt. Đây là những vị Bồ-tát trụ trong quả vị rất cao, đều cầu sinh về Tịnh độ. Vì họ thường được gặp Phật, thường được nghe pháp, thường gần gũi cúng dường chúng Tăng, nên thành tựu viên mãn đạo quả Bồ-đề rất mau chóng.

c. Chúng trời người:

KINH: Thích Đề-hoàn Nhân... cùng vô lượng chư thiên, tất cả đại chúng đều nhóm họp.

Thích Đề Hoàn Nhân, Hán dịch là Năng Vi Chủ, tức là Đạo lợi Thiên vương chủ của bốn vị trời ở cõi dưới và các vị ở cõi trên như : Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa và vô lượng chư Thiên trong cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Nói “Tất cả đại chúng cùng nhóm họp”, là muốn nói về trời người, tám bộ chúng, A-tu-la, Nhân, Phi Nhân... trong mười phương đều đến hội họp. Họ có căn cơ khác nhau mà thuộc pháp môn Tịnh độ đều.

## **II. Tựa riêng:**

Tức bài tựa phát khởi. Pháp môn Tịnh độ mẫu nhiệm này không thể suy nghĩ bàn luận, không ai có thể hỏi đến được, nên Phật tự giảng nói, tên gọi Y báo, Chánh báo, của Cực lạc từ đây phát khởi. Lại, trí Phật khi quán sát căn cơ không hề nhầm lẫn. Ngài thấy đại chúng nên nghe pháp môn Tịnh độ để được bốn lợi ích vì thế chẳng đợi ai hỏi mà Ngài tự nói ra. Như trong kinh Phạm Võng quyển hạ, phần tự xưng địa vị danh hiệu chép: Nay Ta Lô-xá-na,... Đại sư Trí Giả xếp phần này vào lời tựa phát khởi.

KINH: Bấy giờ Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất: Từ đây đi về phương Tây, qua mười muôn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực lạc ở cõi nước ấy có Phật hiệu A-di-đà hiện đang nói pháp.

Pháp môn Tịnh độ gom nhiếp cả ba căn, viên dung, dứt bật đối đãi, không thể suy nghĩ bàn luận, gồm thấu tất cả pháp môn; là pháp khó tin nên Phật chỉ nói cho những người có trí tuệ lớn nghe. Nếu không phải là những người có trí tuệ bậc nhất thì không thể chấp nhận và không khởi nghi ngờ.

Phương Tây tức là từ đây đi thẳng về hướng Tây, đó là nơi chốn.

Mười muôn ức: Một ngàn muôn là một ức, nhưng nay vẫn kinh nói mười muôn ức. Cõi Phật: Tam thiên đại thiên thế giới là phạm vi giáo hóa của một Đức Phật. Nếu nói theo cõi nước này, thì một núi Tu di, bốn châu Đông Tây Nam Bắc có một mặt trời một mặt trăng chiếu

sáng, một núi Thiết vi bao bọc, gọi là một Bốn vị Thiên hạ. Một ngàn Bốn vị Thiên hạ là một Tiểu thiên thế giới. Một ngàn Tiểu thiên thế giới là một Trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một Đại thiên thế giới. Cách mười muôn ức cõi Phật như thế về hướng Tây là thế giới Cực lạc.

Hỏi: Vì sao Cực lạc lại ở phương Tây?

Đáp: Đây không phải là câu hỏi hay. Nếu giả sử Cực lạc ở phương Đông thì ông lại sẽ hỏi rằng vì sao nó ở phương Đông. Đó chẳng phải là lời hỏi vô nghĩa hay sao? Từ Ta-bà nhìn thì nó ở hướng Tây. Hướng chi từ mười muôn ức cõi Phật mà nhìn thì nó lại ở phương Đông rồi. Như vậy có gì phải nghi!

Nói “Có một thế giới tên là Cực lạc” đây là tên gọi của Y báo cõi nước. Ba thời đời gọi là “Thế”, bốn phương trên dưới gọi là “Giới”. Đã gọi là y báo xét về thời gian (chiều dọc) thì y theo ba đời để nói về thời kiếp, xét về không gian (ngang) thì y theo mười phương để phân định về ranh giới, nên gọi là thế giới.

Cực lạc: Tiếng Phạm là Tu-ma-đê, Hán dịch là An dưỡng, An vui, Thanh thái... là tên của một cõi nước xa lìa hẳn các thứ đau khổ, là nơi an ổn bậc nhất, sẽ được giải thích rõ trong đoạn sau.

Thế nhưng cõi Phật có bốn cõi, mỗi cõi lại chia ra tịnh uế:

1. Cõi Phạm Thánh Đồng cư: Nếu năm thứ vẫn đục nặng là uế, năm thứ vẫn đục nhẹ là Tịnh.

2. Cõi Phương tiện hữu dư: Nếu lìa “Không”, vụng chứng nhập, thì đó là Uế. Nếu từ “Không”, khéo léo chứng nhập, đó là Tịnh.

3. Cõi Thật báo vô chướng ngại: Nếu dùng thứ lớp ba quán mà chứng nhập, đó là Uế. Nếu dùng Nhất tâm ba quán mà chứng nhập, đó là Tịnh.

4. Cõi Thường Tịch Quang: Nếu phần chứng là Uế, thì viên chứng rốt ráo là Tịnh.

Đức Phật hiệu là A-di-đà, là tên gọi Giáo chủ của chánh báo. Phật có ba thân, mỗi thân lại có đơn phức.

Pháp thân đơn: Chỉ cho lý tánh sở chứng.

Báo thân đơn: Chỉ cho công đức trí tuệ năng chứng.

Hóa thân đơn: Chỉ cho sự hiện hữu của sắc thân tướng tốt.

Pháp thân phức: Gồm pháp thân tự tánh thanh tịnh và Pháp thân Ly cấu Diệu cực.

Báo thân phức: Gồm báo thân tự thọ dụng và báo thân Tha thọ dụng.

Hóa thân phức: Gồm hóa thân Thị sinh và hóa thân Ứng hiện. Lại có hóa thân cõi Phật và hóa thân Tùy loại.

Tuy nói về ba thân đơn phức, nhưng thật ra chẳng phải một chẳng phải ba, tuy ba mà một. Chẳng ngang chẳng dọc, chẳng cùng chẳng khác, dứt sạch lỗi lầm, không thể suy nghĩ bàn luận. Nay nói Phật A-di-đà cũng chính là hóa thân thị hiện trong cõi Đồng cư, đây cũng là Báo thân và Pháp thân, do đây mà nghe danh sẽ được địa vị không lui sụt, “Hiện nay đang nói pháp” là nói về chẳng phải quá khứ đã mất, vị lai chưa thành, mà chính là đang nói pháp độ sinh do đó ta nên phát nguyện vãng sinh để gần Phật nói pháp mà mau thành Chánh Giác.

Lại, nói Phật và cõi nước Cực lạc đang có trong hiện tại nhằm khuyên chúng sinh phát khởi lòng tin. Nói thế giới Cực lạc là muốn chúng sinh phát nguyện. Nói Phật hiệu A-di-đà là muốn khuyên chúng sinh phát khởi hạnh mầu trì danh. Lại A-di-đà là Phật ; nói pháp là pháp; tính chúng hiện có trong đạo tràng ấy là Tăng. Phật Pháp Tăng đồng một Thật tướng là Thể. Từ đó phát khởi Tín Nguyện Hạnh là Tông. Tín Nguyện Hạnh thành tựu, tất được vãng sinh, gặp Phật nghe pháp là Dụng. Chỉ có một cõi Phật làm cảnh sở duyên, ngoài ra không xen lẫn việc khác là lời tựa Giáo tướng. Đoạn văn này ngôn từ tuy dón gọn nhưng nghĩa lý rất sâu xa.

### **B. PHẦN CHÁNH TÔNG:** Có ba phần:

1 Trình bày diệu quả Y báo, Chánh báo của Cực lạc để chúng sinh phát khởi lòng tin.

2. Chính là khuyên chúng sinh nên cầu vãng sinh để phát khởi nguyện.

3. Chỉ bày hành giả chấp trì danh hiệu để lập hạnh.

Tín, Nguyện, Trì danh là yếu chỉ của một bộ kinh. Tín Nguyện là Tuệ hạnh, Trì danh là Hạnh hạnh. Được vãng sinh hay không hoàn toàn do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp đều do công hạnh trì danh cạn hay sâu. Cho nên Tuệ hạnh thường đi trước và Hạnh hạnh là phần chính tu, giống như người vận dụng cả mắt và chân.

***1. Trình bày diệu quả Y báo, Chánh báo của Cực lạc để chúng sinh phát khởi lòng tin.***

#### ***1. Y báo mầu nhiệm:***

KINH: Nay Xá-lợi-phất, cõi ấy vì sao tên là Cực lạc? Vì chúng sinh ở cõi nước ấy, không bị mọi sự đau khổ ép ngặt, thường hưởng thọ các sự an vui, cho nên cõi ấy tên là Cực lạc.

Khổ vui của Ta-bà thật hỗn tạp. Khổ tức là khổ khổ, ép ngặt thân tâm. Lạc là hoại khổ không trụ lâu dài. Chẳng khổ chẳng lạc là Hành khổ, vì tánh thường biến chuyển. Cõi Cực lạc xa lìa hẳn ba thứ khổ ấy và sự an vui không giống như các vui đối đãi cái khổ trong cõi này, nên gọi là Cực lạc.

Năm thứ vẫn đượ trong cõi Đồng cư nhẹ, nên không có tám thứ khổ phần đoạn mà chỉ thọ hưởng sự an vui như: không bệnh không già, tự tại du hành, ăn thức ăn cõi Trời, mặc gấm lụa cõi Trời, ở chung với các vị Thượng thiện nhân.

Trong cõi Phương tiện, khi thể quán khéo léo thì không bị rơi vào cái khổ trầm không trệ vắng lặng, mà chỉ thọ hưởng sự an vui như: Du hý thần thông...

Trong cõi Thật báo, chứng nhất tâm viên dung, nên không bị khổ tách biệt chẳng dung hợp, mà chỉ hưởng thọ sự an vui vô ngại chẳng thể nghĩ bàn.

Trong cõi Tịnh Quang hay cứu cánh Thật báo thì không có các thứ khổ như: Pháp thân rỉ chảy, Chân thường lưu chú, chỉ thọ hưởng sự an vui xứng tánh tròn đầy rốt ráo.

KINH: Lại Xá-lợi-phất, cõi nước cực lạc có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới phủ, bảy hàng cây báu, do bốn món báu vây bọc xung quanh, cho nên cõi ấy tên là Cực lạc.

Nói “Bảy lớp” chính là biểu trưng cho bảy phẩm trợ đạo. “Bốn món báu” biểu trưng cho bốn đức Thường Lạc Ngã Tịnh. “Bao bọc xung quanh” vì cõi đó có vô lượng Bồ-tát, Thanh văn cho nên có vô số trụ xứ, có vô số bảy lớp lan can, lưới phủ hàng cây đầy khắp cõi nước, khắp chốn trang nghiêm không thể cùng tận. Các thứ trang nghiêm này, nếu trong Tịnh độ Đồng cư thì đều nhờ thêm lớn nghiệp thiện mà chiêu cảm ra, cũng chính là nhờ viên mãn năm phẩm quán mà có, vì cõi này lấy Năm trần thù thắng mẫu nhiệm của duyên sinh làm Thể. Trong Phương tiện Tịnh độ, thì do Trí không quán, hay tương tự ba quán chiêu cảm ra vì cõi này lấy Năm trần vô lậu của Diệu Chân-đế làm Thể. Trong Thật Báo Tịnh độ, thì do Trí của Diệu Giả quán, hay phần chứng ba quán chiêu cảm nên vì cõi này năm trần vô tận của Diệu tục đế làm Thể. Trong Thường Tịch Quang độ thì do Trí của Trung quán, hay Rốt ráo Ba quán chiêu cảm ra, vì cõi này lấy năm trần xứng tánh của Diệu Trung đế làm Thể.

Vì muốn người học dễ hiểu nên phải phân tích rõ như vậy. Thật ra các thứ trang nghiêm trong bốn cõi đều là pháp do nhân duyên sinh,

đều tức “Không”, “Giả”, “Trung”.

Hỏi: Cõi Thường Tịch Quang chỉ có lý tánh thì làm sao có những trang nghiêm như ba cõi kia?

Đáp: Tất cả các thứ trang nghiêm, toàn thể của nó đều là lý tánh. Tất cả lý tánh đều có đủ các thứ trang nghiêm, đó mới chính là quả Y rốt ráo của Chư Phật. Nếu cõi Tịch Quang không có đủ Năm trần hấp dẫn mẫu nhiệm thì có khác gì pháp tánh Thiên chân đầu!

KINH: Lại Xá-lợi-phất, cõi nước Cực lạc có ao bảy báu, nước tám công đức đầy ắp trong ao, đất đáy ao toàn bằng cát vàng. Bốn phía đều có thêm bậc đường đi, đều bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Trên có lầu gác cũng dùng vàng bạc, lưu ly pha lê, xa cừ xích châu, mã não tô điểm. Hoa sen trong ao lớn như bánh xe. Loại hoa màu sanh phát ra ánh sáng sanh, loại hoa màu vàng phát ra ánh sáng vàng, hoa màu đỏ phát ra ánh sáng đỏ, hoa màu trắng phát ra ánh sáng trắng, tỏa hương thơm trong sạch mẫu nhiệm vô cùng. Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực lạc có đủ công đức trang nghiêm như vậy.

Đoạn trước nói về trụ xứ, đoạn này nói về sinh xứ. Ao báu bằng vàng bạc chứ không giống như Ta-bà do các thứ đất đá làm nên. Tám thứ công đức đó là:

1. Lắng trong.
2. Mát mẻ.
3. Ngon ngọt.
4. Mềm nhẹ.
5. Thấm nhuần.
6. An hòa.
7. Hết đói khát.
8. Nuôi lớn các căn.

Nước ấy đầy ắp trong ao, không như cõi này cạn khô hay đầy tràn. Đáy ao toàn bằng cát vàng, không như đất bùn ở cõi này. Thêm đường đều là bốn món báu chứ không như cõi này toàn bằng sỏi đá. Thêm cấp thì gọi là Giai, đường bằng phẳng thì gọi là Đạo. Nhà nhiều tầng thì gọi là Lầu, lầu nhỏ mà cao thì gọi là gác. Lầu gác dùng bảy món báu, khác với cõi này dùng cây, đất sơn phết.

Hoa lớn như bánh xe, bánh xe ở đây là bánh xe vàng của Luân vương, rộng bốn mươi dặm, đó là chỉ nói về loại hoa nhỏ nhất mà thôi. Còn như bánh xe trong kinh Vô Lượng Thọ và Quán kinh thì kích thước lớn nhỏ và phẩm loại của nó không thể nào đo được.

Hoa màu sanh tên là Ưu-bát-la, màu vàng tên là Câu-vật-đầu,

màu đỏ tên là Bát-đầu-ma, màu trắng tên là Phân-đà-lợi. Hoa vừa có màu sắc lại vừa có ánh sáng do nghiệp thanh tịnh chiêu cảm thành. Hoa sen ở Cực lạc thì ánh sáng và màu sắc là vô lượng, nhưng ở đây chỉ nói lược vài thứ.

Nói tỏa hương trong sạch mẫu nhiệm vô cùng, đó là khen ngợi sơ lược bốn đức của hoa sen.

Trụ xứ, sinh xứ và vô số các thứ trang nghiêm đều do các công đức Đại nguyện Đại hạnh xứng tánh của Phật A-di-đà mà thành tựu. Cho nên các công đức ấy có công năng trang nghiêm khắp bốn cõi Tịnh độ, gom nhiếp khắp tất cả phàm Thánh trong mười phương ba đời khiến họ đều được vãng sinh.

KINH: Lại Xá-lợi-phất, trong cõi Phật ấy, thường trời các thứ nhạc trời, đất bằng vàng ròng. Ngày đêm sáu thời, hoa Mạn-đà-la cõi trời tuôn rải như mưa. Chúng sinh cõi ấy vào lúc sáng sớm, mỗi người đều dùng giỏ đựng đầy các thứ hoa thơm, đi cúng dường mười phương muôn ức Phật ở phương khác. Đến giờ thọ thực, liền trở về nước mình, ăn cơm xong đi kinh hành. Xá lợi phất! Cõi nước Cực lạc có các công đức trang nghiêm như thế.

Thường trời nhạc, tức là sáu thời cả ngày lẫn đêm. Vàng ròng làm đất tức là dùng bảy món báu trang nghiêm mặt đất, thể chất của nó nguyên là vàng ròng. Ban ngày chia ra ba thời là Sơ, Trung, Hậu nên gọi ba thời ban ngày. Ban đêm cũng chia ra ba thời như vậy nên là ba thời ban đêm. Cho nên mới chép: đêm ngày sáu thời. Thế nhưng Y báo Chánh báo ở cõi ấy thường có ánh sáng, chẳng phải nhờ mặt trời mặt trăng phân định ngày đêm, đó là do y cứ cõi nước này mà giả phân ra thời khắc như vậy.

Mạn-đà-la, Hán dịch là Thích Ý hay Bạch Hoa Từ hư không mà rơi xuống nên gọi là mưa. Chúng sanh là trên từ Đẳng Giác, dưới đến phàm phu. Y kích là đồ đựng hoa. Nói các thứ hoa thơm, tức là chẳng phải một loại Mạn-đà-la, mà phải là bốn loại như trong kinh Pháp Hoa nói. Bốn loại này biểu trưng cho bốn nhân vị (Thập Lực, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương và Thập Địa). Cúng dường Chư Phật ở phương khác biểu trưng cho Chân nhân này đang thú hưởng về Cực quả, quả đức trùm khắp mọi nơi. Hơn nữa đứng ở Ta-bà mà nói mười muôn ức cõi Phật, ý muốn nói rằng khi đã vãng sinh Cực lạc rồi, thì lại cúng dường Phật Thích-ca, Phật Di-lặc không phải là việc khó. Nếu nhờ thần lực của Phật Di-đà trợ giúp thì có nơi nào mà chẳng đến được! Giờ thọ thực vào lúc sáng sớm, nên văn kinh nói “Đến giờ ăn”. Đó là ý muốn nói

thần tức của chúng sinh không thể suy nghĩ bàn luận, chẳng lìa Cực lạc mà thường dạo khắp mười phương, không phải đợi qua thời khắc mới trở về, mà chính là lúc sáng sớm.

Ăn cơm xong đi kinh hành, nghĩa là vừa khởi niệm muốn ăn, thức ăn tự nhiên có chẳng đợi phải nấu dọn. Ăn xong, bát đĩa tự biến đi mà chẳng hề phải nhọc công dọn rửa, chỉ một việc là đi kinh hành trên mặt đất bằng vàng ròng, nhậm vận tiến tu mà thôi.

KINH: Lại, này Xá-lợi-phất, ở cõi nước ấy thường có các thứ giống chim lông cánh nhiều màu sắc sỡ: Hạc trắng, chim công, Anh Vũ, Xá Lợi, Ca lãng tần già, Cộng Mạng... Các loài chim ấy ngày đêm sáu thời, phát ra vô lượng âm thanh êm tai, những âm thanh đó, giảng nói các pháp, năm căn, năm lực, bảy phần Bồ-đề tám Chánh đạo. Chúng sinh cõi ấy nghe âm thanh này, đều niệm Phật niệm, niệm Pháp, niệm Tăng.

Nói “Các thứ giống chim lông cánh nhiều màu sắc sỡ”, nghĩa là đã nhiều mà lại đẹp. Đoạn sau lại nêu ra sáu loại. Xá-lợi, xưa dịch là Thu Lộ, ca-lãng-tần-già, Hán dịch là Diệu Âm. Loài chim này lúc chưa ra khỏi trứng mà tiếng kêu đã hay hơn các loài chim khác. Cộng Mạng là loài chim có hai đầu, thức giấc tuy khác nhưng quả báo thì giống nhau. Hai giống chim này có ở Tây Vực và núi Tuyết, nhưng đều không thể so sánh với các loài chim kỳ diệu ở Cực lạc.

Ngày đêm sáu thời phát ra vô số âm thanh, đủ biết rằng không phải khi chim đậu là ban đêm. Vì thân tướng sinh từ hoa sen vốn không có ngủ nghỉ, nên đâu cần phải nằm là ban đêm.

Năm căn, năm lực... là nói về ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đó là:

• *Tứ niệm xứ:*

1. Thân niệm xứ.
2. Thọ niệm xứ.
3. Tâm niệm xứ.
4. Pháp niệm xứ.

• *Bốn Chánh Cần:*

1. Pháp ác đã sinh làm cho nó phải đoạn diệt
2. Pháp ác chưa sinh làm cho nó không sinh.
3. Pháp thiện chưa sinh làm cho phát sinh.
4. Pháp thiện đã sinh làm cho thêm lớn.

• *Bốn Như ý túc:*

1. Dục như ý túc.
2. Tinh tấn như ý túc.



3. Tâm như ý túc.
4. Tư duy như ý túc.

• Năm căn:

1. Tin Chánh đạo và các pháp trợ đạo là Tín căn.
2. Thực hành Chánh đạo và các pháp thiện trợ đạo, chuyên tu không ngừng nghỉ là Tinh tấn căn.
3. Niệm (nhớ nghĩ) Chánh đạo và các pháp thiện trợ đạo khác mà không nhớ nghĩ gì khác là Niệm căn.
4. Nhiếp tâm trong Chánh đạo và các pháp thiện trợ đạo khác, tâm thường tương ứng các pháp ấy không tán loạn là Định căn.
5. Đối với Chánh đạo và các pháp thiện trợ đạo, thường quán sát theo Bốn đế, là Tuệ căn.

• Năm lực:

1. Tín căn thêm lớn, phá được các mối nghi ngờ, các thứ tà tín, các thứ phiền não, đó gọi là Tín lực.
2. Tinh tấn căn thêm lớn phá được vô số bệnh biếng nhác của thân tâm, thành tựu đại sự xuất thế gian, gọi là Tinh tấn lực.
3. Niệm căn thêm lớn, phá được trừ các thứ tà niệm, thành tựu tất cả công đức chánh niệm xuất thế gian, gọi là Niệm lực.
4. Định căn thêm lớn, phá được trừ loạn tưởng phát sinh ra những sự lý về Thiền định, gọi là Định lực.
5. Tuệ căn thêm lớn, hay ngăn dứt hoặc, chung hoặc riêng, phát sinh Chân Vô lậu thì gọi là Tuệ lực.

• Bảy Bồ-đề phần hay gọi là bảy giác phần.

1. Khi trí tuệ quán chiếu các pháp, khéo phân biệt được rõ ràng đâu là Chân, đâu là Ngụy, không nhận lầm các pháp luống dối không thật, đó gọi là Trạch pháp giác phần.
2. Khi tinh tấn tu tập cđường ác pháp, khéo biết rõ được các pháp, không thực hành các pháp khổ vọng vô ích, thường chuyên cần thực hành các pháp chân chính, đó gọi là Tinh tấn giác phần.
3. Nếu tâm cảm nhận được pháp hỷ (sự an vui), khéo hay biết rõ sự an vui này, không nương tựa vào các pháp điên đảo mà sinh tâm vui mừng, thường trú trong sự vui mừng của Chánh pháp, thì gọi là Hỷ giác phần.
4. Nếu lúc dứt trừ các thứ phiền não do kiến chấp, khéo khéo biết rõ, phá trừ các thứ luống dối không thật, không làm tổn hại đến gốc lành chân chánh, thì gọi là Trừ giác phần.
5. Nếu lúc xả các cảnh sở kiến, sở niệm, sở trước, mà khéo hay

biết rõ các cảnh xả đoạn là cảnh luống dối không thật, không bao giờ nhớ nghĩ, thì gọi là Xả giác phần.

6. Nếu lúc phát sinh các thiền định mà khéo léo biết rõ các thứ thiền định luống dối không thật, không khởi tâm vọng tưởng bám víu, đó gọi là Định giác phần.

7. Nếu lúc tu đạo xuất thế mà khéo biết rõ, thường giúp cho định tuệ được cân bằng; hoặc khi tâm hôn trầm, phải thường nhớ dùng Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ giác phần mà quán sát tâm; hoặc lúc tâm loạn động, phải nhớ dùng Xả, Trừ và Định giác phần mà nhiếp giữ tâm, khiến tâm đồng đều, điều hòa, thì gọi là Niệm Giác phần.

• Tám Thánh đạo, còn gọi là tám phần Chánh đạo.

1. Tu hạnh quán vô lậu, thấy Bốn đế một cách rõ ràng, đó gọi chính là kiến.

2. Dùng Tâm vô lậu tương ứng mà tư duy, phát sinh ra Bốn đế quán, hiểu biết thấu suốt, khiến bốn trí thêm lớn vào Đại Niết-bàn, đó gọi chính là tư duy.

3. Dùng Tuệ vô lậu dứt trừ bốn thứ tà mạng, nhiếp phục khẩu nghiệp, trụ trong tất cả chánh ngữ, đó gọi chính là ngữ.

4. Dùng Tuệ vô lậu dứt trừ tất cả tà nghiệp của thân, trụ trong thân nghiệp chân chánh thanh tịnh, đó gọi chính là nghiệp.

5. Dùng Tuệ vô lậu dứt trừ hết năm thứ tà mạng của cả ba nghiệp, trụ trong chánh mạng thanh tịnh, đó gọi chính là mạng (năm thứ tà mạng là:

- Vì lợi dưỡng nên hiện dị tướng kỳ đặc.

- Vì lợi dưỡng nên tự nói công đức.

- Vì lợi dưỡng nên xem tướng xấu tốt nói pháp cho người nghe.

- Vì lợi dưỡng nên Lớn tiếng, dối hiện oai nghi khiến người kính sợ.

- Vì lợi dưỡng nên Nói sự cúng dường tự thân có được để khích động lòng người).

6. Dùng tuệ vô lậu tương ứng cần hành tinh tấn tu đạo Niết-bàn, đó gọi chính là tinh tấn.

7. Dùng Tuệ vô lậu tương ứng niệm Chánh đạo và các pháp trợ đạo khác, đó gọi chính là niệm.

8. Dùng Tuệ vô lậu tương ứng thể nhập Thiền định, thì gọi chính là định.

Tất cả những đạo phẩm này, nếu nương vào Bốn đế sinh diệt mà tu, là đạo phẩm của Tạng giáo. Nếu nương vào Bốn đế Vô sinh mà tu,

là đạo phẩm của Thông giáo. Nếu nương vào Bốn đế Vô lượng mà tu, là đạo phẩm của Biệt giáo. Nếu nương vào Bốn đế Vô tác mà tu, là đạo phẩm của Viên giáo.

Đạo phẩm của Tạng giáo gọi là Pháp môn bán tự. Tịnh độ năm thứ vẫn đục nếu nhẹ, thì dường như không cần dùng. Nếu là Tiểu Thừa đã thuần thục thì có thể tạm dùng. Đạo phẩm của Thông giáo gọi là Đại thừa sơ môn. Ba thừa phần nhiều dựa theo Tịnh độ Đồng cư mà nói về đạo phẩm này. Đạo phẩm của Biệt giáo gọi là pháp chỉ dành riêng cho Bồ-tát, Tịnh độ Đồng cư và Phương tiện phần nhiều nói về đạo phẩm này. Đạo phẩm của Viên giáo gọi là Vô thượng Phật pháp, nếu là người lợi căn thì đối với Tứ độ đều được nghe khắp.

Kết luận: Đó là các pháp bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, cùng Tứ nhiếp pháp, Sáu độ, mười lực Vô úy, vô lượng pháp môn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này dù nhiếp phục hết các pháp nhưng cơ duyên lại khác nhau nhau, vì thế mà có nhiều cách khai hợp, danh ng- hĩa lại chẳng đồng. Tóm lại, tùy theo chúng sinh ưa nghe những gì đều giảng nói. Cho nên giúp cho người nghe đều.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, ông chớ cho rằng, các loài chim ấy, thật là do tội báo sinh ra. Vì sao như vậy? Vì cõi Phật ấy không có ba đường ác. Nay Xá-lợi-phất, cõi nước Phật ấy, tên đường ác, còn không có, huống chi có thật. Các loài chim ấy đều Đức Phật A-di-đà, vì muốn truyền bá pháp âm Phật pháp mà hóa hiện ra.

Hỏi: Đã là Tịnh độ sao còn có các loài chim? Đã chẳng có tên đường ác vậy các loài chim chẳng phải gọi là đường súc sinh hay sao?

Đáp: Chúng vốn không phải do tội báo sinh ra mà do Di-đà muốn truyền bá pháp âm mà biến hóa ra, thì tất cả tên gọi ấy đều giảng nói công đức tốt ráo của Như lai. Đó gọi là hạc trắng tốt ráo, chim công tốt ráo... Chúng đều là những tên gọi đẹp đẽ của tánh đức, lẽ nào là tên gọi của đường ác!

Hỏi: Biến hóa ra các loài chim như vậy là có ý nghĩa gì?

Đáp: Có nhân duyên của bốn Tát-đàn.

1. Vì người phạm tục thích những loại chim này, nên thuận theo họ để nói pháp giáo hóa, để làm họ vui mừng.

2. Chim còn biết nói pháp, khiến người nghe phát sinh tâm thiện.

3. Chim biết nói pháp: Khiến không phát khởi những ý tưởng thấp hèn đối với loài chim, để đối trị tâm phân biệt.

4. Chim tức là Di-đà hóa thành, đều là pháp thân Di-đà, vì muốn chúng sinh ngộ được Pháp thân bình đẳng, chẳng pháp nào là không

đầy đủ, chẳng pháp nào không tạo tác ra.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, cõi nước Phật ấy, gió nhẹ thổi qua các hàng cây báu, các màn lưới báu, phát ra vô lượng âm thanh êm tai, giống như trăm ngàn thứ âm nhạc đồng thời trỗi lên. Người nào nghe được âm thanh này rồi, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Hữu tình vô tình đều giảng nói diệu pháp đều được tạo thành từ nguyện lực, thị hiện từ chủng trí của Đức Phật Di-đà. Từ tịnh nghiệp chiếu cảm, duy thức biến hiện. Tâm Phật và chúng sinh chiếu soi lẫn nhau, như ánh sáng các ngọn đèn chiếu sáng khắp nơi như từ một ngọn, toàn lý thành sự, toàn sự tức lý, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, người đọc nên suy nghĩ kỹ, làm sao bỏ Tịnh độ này mà nói riêng Tịnh độ duy tâm.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, cõi nước Phật ấy có các công đức, trang nghiêm như thế.

Lớp lớp kết hợp khen ngợi, muốn cho người nghe tin sâu không nghi ngờ.

## **2. Chánh báo mẫu nhiệm:**

### *a. Giải thích danh hiệu.*

KINH: Nay Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao, vì sao Phật ấy hiệu là A-di-đà.

### 1. Giải thích theo ánh sáng:

A-di-đà, Hán dịch là Vô Lượng, vốn không thể nói. Đức Bổn sư dùng hai nghĩa Ánh sáng và Tuổi thọ mà gom nhiếp tất cả nghĩa vô lượng khác. Ánh sáng thì trùm khắp mười phương; Tuổi thọ thì cùng khắp ba đời. Ngang dọc đều tự tại tức là Thể của Pháp giới. Từ cái toàn thể này mà tạo tác ra thân và cõi của Phật Di-đà và cũng từ cái toàn thể này mà tạo tác ra danh hiệu Phật Di-đà. Cho nên danh hiệu Phật Di-đà chính là lý tánh Bản giác của chúng sinh. Trì danh chính là Thỉ giác khế hợp với Bản giác. Thỉ giác và Bản giác chẳng hai, chúng sinh và Phật chẳng hai, cho nên một niệm tương ứng thì một niệm ấy là Phật; niệm niệm tương ứng thì niệm niệm là Phật.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, ánh sáng của Đức Phật ấy vô lượng, chiếu khắp cõi nước trong cả mười phương chẳng hề ngăn ngại, nên hiệu là A-di-đà.

Tâm tánh vắng lặng nhưng thường chiếu soi, nên gọi là Ánh sáng. Nay chứng suốt được cái thể vô lượng của tâm tánh, cho nên Ánh sáng này cũng vô lượng. Chư Phật đều chứng suốt tánh thể, đều chiếu khắp

mười phương không chướng ngại, đều có thể được gọi là Vô Lượng Quang. Thế nhưng, do nguyện lực trong nhân địa tu hành không giống nhau, nên tùy theo nhân duyên mà đặt một tên gọi khác. Đức Di-đà lúc còn làm Tỳ-kheo Pháp Tạng, phát ra bốn mươi tám đại nguyện, trong đó có nguyện “Ánh sáng thường chiếu khắp mười phương”. Cho nên nay đạo quả thành tựu đúng như sở nguyện.

Ánh sáng của Pháp thân vốn không có giới hạn do đó vô lượng. Ánh sáng của Báo thân thì xứng với chân pháp tánh do đó vô lượng. Hai thứ này thì Phật Phật đều như nhau. Ánh sáng của Ứng thân thì có Phật chiếu trong phạm vi một do tuần; có Phật chiếu trong một thế giới, mười thế giới, trăm ngàn thế giới. Chỉ có Đức Phật A-di-đà là chiếu khắp vô lượng thế giới mười phương, cho nên Ngài có hiệu khác là Vô Lượng Quang. Nhưng ba thân chẳng phải một cũng chẳng phải khác, vì muốn cho chúng sinh thành tựu bốn lợi ích, nên mới gượng phân biệt như thế.

## 2. Giải thích theo tuổi thọ.

KINH: Lại Xá-lợi-phất, tuổi thọ của Đức Phật ấy và người nhân dân cõi ấy, vô lượng vô biên, A-tăng-kỳ kiếp, cho nên có hiệu là A-di-đà.

Tâm tánh chiếu soi nhưng thường vắng lặng, nên nói là Tuổi thọ. Nay do chứng suốt được tự thể vô lượng của tâm tánh, nên Tuổi thọ cũng vô lượng. Tuổi thọ của pháp thân vốn không có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc nên vô lượng; tuổi thọ của Báo thân có điểm khởi đầu mà không có điểm kết thúc nên vô lượng. Hai thứ này thì Phật Phật đều như nhau, cùng được gọi là Vô Lượng Thọ. Còn Ứng thân thì tùy nguyện tùy cơ, nên dài ngắn khác nhau. Trong bốn mươi tám nguyện của Pháp Tạng, trong đó có nguyện “Tuổi thọ của Phật và người dân đều vô lượng” nên nay đạo quả thành tựu đúng như sở nguyện và có tên riêng là Vô Lượng Thọ.

Thật ra thì có hạn lượng nhưng do trời, người không đếm nổi nên gọi là vô lượng. Nhưng ba thân vốn chẳng phải một, chẳng phải khác, nên Ứng thân cũng có thể là vô lượng của vô lượng. Hỏi: Phật thọ vô lượng là điều có thể nhưng người dân tuổi thọ sao cũng có thể vô lượng được? Đáp: Vì nguyện lực của Phật không thể suy nghĩ bàn luận, công đức lớn, nguyện, trì sanh không thể suy nghĩ bàn luận. Tín, nguyện, trì danh là nhân duyên chính, nguyện lực Phật là tăng thượng duyên.

### *b. Giải thích về chủ bạn.*

KINH: Nay Xá-lợi-phất, Phật A-di-đà, thành Phật đến nay đã

mười kiếp.

Pháp thân vốn chẳng có thành, và không thành, nên không thể nói về kiếp số; đối với Báo thân khi nhân viên quả mãn thì gọi là thành; Ứng thân vì chúng sinh thị hiện thì gọi là thành, do đó đều được nói về kiếp số.

Lại, Pháp thân nhờ tu đức mà được hiển bày, nên cũng có thể nói về kiếp số; Báo thân không phải lúc thành mới có, Ứng thân thì như trăng in bóng dưới dòng nước, cũng là thành, và không thành, nên không thể nói theo kiếp số. Chỉ khi Chư Phật thành đạo mới có Bản môn Tích môn. Bản địa thì hoàn toàn không thể suy lường được. Hơn nữa đứng về Tích môn thị hiện thành đạo trong cõi Cực lạc mà nói thành Phật mười kiếp, đối với ba thân, một thành thì tất cả thành, cũng chính là chẳng phải thành chẳng phải không thành mà nói về thành tựu.

KINH: Lại Xá-lợi-phất, Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn đều là A-la-hán, chẳng phải tính đếm rất dễ hiểu được. Các chúng Bồ-tát cũng giống như thế.

Nhị thừa định tánh ở các phương khác không được vãng sinh ở cõi này. Nếu người trước kia tu tập theo hạnh Tiểu thừa, nhưng đến lúc qua đời, hồi hướng công đức ấy về đạo Bồ-đề, phát thệ nguyện thì được vãng sinh. Khi được vãng sinh về cõi Cực lạc, rồi tập khí Tiểu thừa trước đã thuần thực do đó Phật mới tùy cơ mà nói pháp tiểu thừa khiến họ chứng quả dần hướng đến Đại thừa, không còn ngăn ngại nơi Tiểu thừa, do đó khác với Thanh văn theo tạng giáo phải đợi đến khi mở hội Pháp hoa mới được vào viên giáo. Cho nên giống như Thanh văn của Thông giáo hoặc, giống như Thất trụ của Biệt giáo trước dứt hoặc Kiến tư, cho nên gọi là A-la-hán. Không được sinh là vì Tạng giáo Thông giáo không nghe được danh hiệu Phật ở phương khác. Nay những người nghe được danh hiệu Phật Di-đà, phát tâm tín nguyện mà được vãng sinh đều là căn cơ của Biệt giáo, Viên giáo.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, cõi nước Phật ấy có các công đức trang nghiêm như thế.

## ***II. Khuyên chúng sinh nên phát nguyện cầu vãng sinh:***

### ***1. Trình bày nhân duyên Vô thượng:***

KINH: Lại Xá-lợi-phất, những người được vãng sinh về nước Cực lạc, đều là bậc A-bệ-bạt-trí. Trong đó rất nhiều vị một đời, Bồ xứ thành Phật. Số đó vô lượng, không phải tính đếm rất dễ hiểu được, chỉ có thể chép: Là Vô lượng vô biên A-tăng-kỳ.

A-bệ-bạt-trí, Hán dịch là Không lui sụt.

1. Vị không lui sụt: Vào được dòng Thánh không rơi trong đất phàm.

2. Hạnh không lui sụt: Vẫn luôn muốn độ sinh, nên không rơi vào hạnh Nhị Thừa.

3. Niệm không lui sụt: Tâm tâm đều lưu nhập trong biển Nhất thiết chủng trí.

Nếu đứng về cõi này, thì Sơ quả của Tạng giáo, Kiến địa (đệ tứ địa) của Thông giáo, thất trụ của Biệt giáo, Sơ tín của Viên giáo được gọi là Vị không lui sụt. Bồ-tát của Thông giáo, Thập hạnh của Biệt giáo, Thập tín của Viên giáo được gọi là Hạnh không lui sụt. Sơ Địa của Biệt giáo, Sơ trụ của Viên giáo được gọi là Niệm không lui sụt. Nay những người phạm năm tội nghịch, mười điều ác, do thành tựu được mười niệm, đời nghiệp vãng sinh, ở trong Hạ phẩm hạ sinh của Tịnh độ đều chứng được Ba loại không lui sụt do tịnh độ không có duyên làm lui sụt; hơn nữa, đã vãng sinh tịnh độ thì đều tuổi thọ vô lượng, tiến tu dần đến địa vị Nhất sinh bất tử. Quán sát thấy mười phương thế giới nơi nào không có Phật, nơi nào căn cơ thuận thực, bèn thị hiện ra và thành Phật tại nơi đó. Do đó số Nhất sinh bất tử có rất nhiều, “Chẳng thể tính đếm mà biết được.”

### **2. Tịnh độ cao quý:**

KINH: Nay Xá-lợi-phất! Người nào nghe rồi, phải nên phát nguyện sinh về cõi ấy. Vì sao? Vì người này được ở chung một chỗ với các vị Thượng thiện nhân.

Hai thứ Tín và Nguyện thì đó chính là yếu lãnh của Tịnh độ. Từ đây mà chấp trì danh hiệu, thì đó chính chính là hạnh. Nếu có tín nguyện vững chắc, thì lúc qua đời dù mười niệm, hay một niệm cũng chắc chắn được vãng sinh. Nếu không có Tín Nguyện thì dù có trì niệm miên mật đến mức gió thổi không lọt, mưa rót không thấm, tâm thức vững chắc như vách sắt tường đồng, cũng không thể nào được vãng sinh. Đó là điều mà người tu Tịnh độ nhất định phải biết. Kinh Đại Bản A-di-đà lấy việc phát nguyện Bồ-đề làm then chốt, chính đồng với kinh này.

### **III. Chỉ bày hành giải chấp trì danh hiệu để lập hạnh.**

#### **1. Chỉ bày nhân quả Vô thượng.**

KINH: Nay Xá-lợi-phất, không thể chỉ với nhân duyên gốc lành phước đức nhỏ nhỏ, mà được vãng sinh về cõi ấy.

Nay Xá-lợi-phất, nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào, được nghe công đức của Phật Di-đà, mà liền chấp trì, niệm danh hiệu Ngài. Niệm từ một ngày, hai ngày ba ngày, bốn ngày năm ngày, sáu

ngày bảy ngày, nhất tâm bất loạn, đến lúc qua đời, người này liền thấy Phật A-di-đà, cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mắt. Ngay lúc qua đời, tâm của người đó không hề điên đảo, liền được vãng sinh về cõi Cực lạc của Phật Di-đà.

Chánh đạo Bồ-đề gọi là Gốc lành, tức là nhân gần. Vô số trợ đạo khác như Bồ thí, Trì giới, Thiền định... gọi là phước đức, tức là trợ duyên. Gốc lành Bồ-đề của Thanh văn Duyên giác ít, phước đức hữu lậu nghiệp của trời người ít, đều không thể vãng sinh Tịnh độ. Chỉ có người dùng Tín Nguyện chấp trì danh hiệu thì trong mỗi câu có rất nhiều gốc lành phước đức. Tán tâm xưng danh mà phước lành đã không thể lường, huống chi là người đã nhất tâm bất loạn! Cho nên có công năng khiến cho con đường cảm ứng gặp nhau, văn thành thì ấn hoại, Di-đà và Thánh chúng chẳng đến mà đến, đích thân duỗi tay tiếp dẫn. Tâm thức của hành giả chẳng vãng sinh mà vãng sinh, gá sinh trong sen báu. Thiện nam tín nữ bất luận xuất gia hay tại gia, bất luận là kẻ giàu hay người nghèo, kẻ già người trẻ, sáu đường hay bốn sinh, hễ nghe danh hiệu Phật, tức là gốc lành trong nhiều kiếp đã thuần thực, đến năm tội nghịch mười điều ác vẫn được gọi là thiện nam, thiếu nữ. Phật A-di-đà là muôn đức HỒNG DANH, dùng danh hiệu làm đức chiêu cảm không cùng tận, cho nên chấp trì danh hiệu chính là hạnh, chẳng cần phải thực hành các hạnh khác như quán tưởng, tham cứu.... Pháp môn hành trì này vừa đơn giản vừa trực tiếp. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, nguyện rồi hành trì. Nếu không tin, không nguyện lại cũng không được nghe, tuy là nhân xa nhưng không thể gọi là Văn tuệ được. Hành trì trong mỗi mỗi niệm thường nhớ đến danh hiệu Phật, nên đó là Tư tuệ. Nhưng có Sự chấp trì và Lý chấp trì. Nếu Sự chấp trì, tin có Phật Di-đà ở Tây phương, nhưng chưa thấu đạt được tâm này thành Phật, tâm này là Phật, mà chỉ nhờ vào sự quyết chí phát nguyện cầu sinh; như con nhớ mẹ chẳng phút giây nào tạm quên. Nếu là Lý chấp trì, thì tin Phật ở Tây phương sẵn có trong tâm ta, do tâm ta tạo ra, liền dùng HỒNG DANH của tự tâm này làm cảnh để buộc tâm vào đó, không chút xao lãng.

Một ngày cho đến bảy ngày là thời hạn để hành giả thành tựu. Nếu là người lợi căn, thì trong một ngày liền thành tựu Nhất tâm bất loạn. Người độn căn thì bảy ngày mới thành tựu Bất loạn. Còn người Trung căn thì từ hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày hay sáu ngày, không nhất định. Lại, lợi căn có thể bảy ngày mới bất loạn, mà độn căn chỉ một ngày được bất loạn, còn Trung căn thì từ hai ngày đến sáu ngày vốn không nhất định.



Nhất tâm cũng có hai:

1. Sự nhất tâm: Bất luận là Sự chấp trì hay Lý chấp trì, đến khi hàng phục dứt trừ được phiền não, đã dứt được hoặc Kiến tư, đều thuộc về Sự nhất tâm.

2. Lý nhất tâm: Bất luận là Sự chấp trì hay Lý chấp trì, trì đến mức tâm được khai mở, thấy được Phật tánh sẵn có của mình, đều thuộc về Lý nhất tâm.

Sự nhất tâm thì không bị hoặc Kiến tư não loạn. Lý nhất tâm thì không bị hai bên loạn động. Đây chính là tu Tuệ. Tâm không bị Kiến tư hoặc não loạn, nên hay cảm được Biến hóa thân Phật cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mắt. Tâm không khởi ba thứ Hữu điền đảo (Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu) trong cõi Ta-bà, liền được vãng sinh trong Tịnh độ Đồng cư và Phương tiện. Tâm không bị hai bên loạn động, nên có thể cảm được thọ dụng thân Phật cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mắt. Tâm không còn khởi hai thứ kiến điền đảo là sinh tử, Niết-bàn, thì được vãng sinh về Tịnh độ Thật báo và Tịch Quang.

Nên biết, chấp trì danh hiệu là phương pháp tu hành đơn giản dễ dàng, lại rất viên rất đốn. Do một niệm tương ứng là một niệm Phật, niệm niệm tương ứng thì niệm niệm tức Phật, không cần nhọc công quán tưởng hay tham cứu. Ngay sau đó liền được tròn đầy, chẳng dư chẳng thiếu. Bậc thượng thượng căn không thể bỏ qua giai đoạn này, hạ hạ căn cũng đến được đất ấy. Có thể nói pháp môn này, bao gồm cả tám giáo, xuyên suốt hết năm thời, vì thế mà Phật vận dụng triệt để tâm từ, không hỏi mà tự nói, lại còn hết lời khen ngợi là pháp khó tin.

Hỏi: Lúc sắp qua đời Phật hiện ra trước mắt, làm sao quả quyết rằng đó chẳng phải ma hiện?

Đáp: Người tu tâm, không quán Phật mà Phật bỗng hiện, chẳng phải là điều mà họ mong muốn, nên gọi là việc ma. Còn người niệm Phật được thấy Phật vốn đã tương ứng, hướng chỉ lúc qua đời đâu còn thời gian để tạo việc ma thì cần gì phải nghi ngờ.

Hỏi: Nói bảy ngày nhất tâm bất loạn, là lúc bình thường hay lúc qua đời?

Đáp: Lúc bình thường.

Hỏi: Sau bảy ngày nhất tâm bất loạn, lại khởi hoặc tạo nghiệp thì cũng được vãng sinh hay sao?

Đáp: Người nào quả thật được nhất tâm bất loạn rồi, thì không bao giờ còn khởi hoặc tạo nghiệp trở lại.

Hỏi: Mười niệm trong Đại Bản, một niệm trong Bảo Vương Luận

là lúc bình thường hay lúc sắp qua đời?

Đáp: Mười niệm thì chung cả hai thời, pháp mười niệm buổi sáng của Đại sư Từ Vân thuộc lúc bình thường. Mười niệm được vãng sinh đồng với mười niệm xưng danh trong Quán kinh, thuộc lúc sắp qua đời. Còn một niệm thì chỉ lúc sắp qua đời.

Hỏi: Mười niệm, một niệm đều được vãng sinh thì cần gì đến bảy ngày?

Đáp: Nếu không thường công phu bảy ngày thì làm sao có được mười niệm, một niệm lúc sắp qua đời. Dù cho các chúng sinh năm đều nghịch mười điều ác trong Hạ phẩm hạ sinh, không dự trữ sẵn tư lương, đều là những người do nhân duyên đời trước đã thuần, nên lúc qua đời mới gặp được Thiện tri thức, nghe pháp liền phát khởi tín nguyện, thì việc này trong vạn người chưa chắc được một người, không dự trữ sẵn tư lương, lẽ nào lại nhờ sự cầu may ư?

Hỏi: Tây phương cách đây mười muôn ức cõi, sao bảo rằng được vãng sinh ngay?

Đáp: Mười muôn ức cõi đó không ngoài tâm tánh trong một niệm hiện tiền của chúng ta, vì tâm tánh vốn không có trong ngoài. Lại nhờ Phật lực Từ tâm tiếp dẫn thì vãng sinh ngay, có gì là khó.

Hỏi: Trì danh được xếp vào là Hạnh hạnh, vậy chỉ là Trợ hạnh, thế vì sao bảo đó chính là hạnh? Sao có thể trong mỗi câu niệm đều có nhiều phước đức gốc lành?

Đáp: Theo nhất tâm mà nói Tín Nguyện Hạnh, chẳng có trước sau, lại chẳng nhất định là ba. Vì không có Nguyện, Hạnh thì không thể gọi là Tín một cách chân chính. Không có Hạnh, Tín thì không thể gọi là Nguyện một cách chân thật. Không có Tín, Nguyện thì không thể gọi là Hạnh chân chánh. Nay hoàn toàn do Tín Nguyện mà Trì danh nên trong mỗi câu, Tín Hạnh Nguyện thành ra ba, mỗi câu đều đầy đủ, cho nên mới nói là nhiều nhân duyên gốc lành phước đức. Vì vậy phần xưng danh hiệu Phật trong Quán kinh chép: “Trong mỗi niệm trừ diệt tội chướng sinh tử trong tám mươi ức kiếp”, chính là ý này. Nếu phước đức gốc lành không nhiều, thì làm sao có thể diệt trừ tội chướng lớn lao như thế được!

Hỏi: Lúc qua đời niệm lực mạnh mẽ, tha thiết, hay trừ diệt tội nhiều như vậy, còn như hàng ngày dốc lòng xưng danh có diệt trừ được tội không?

Đáp: Thí như mặt trời mọc lên thì bóng tối đều tiêu tan, xưng niệm Hồng danh thì muôn tội tự diệt.

Hỏi: Nếu tán tâm xưng danh có diệt trừ được tội và được vãng sinh hay không?

Đáp: Công đức danh hiệu không thể suy nghĩ bàn luận thì tội làm sao không diệt trừ, chỉ không chắc chắn được vãng sinh mà thôi. Vì phước thiện của kẻ lơ là, tán tâm thì khó trừ hết tội lỗi chứa nhóm từ vô thủy. Nên biết tội lỗi nặng nề được chứa nhóm từ lâu, giả sử có hình tướng, thì khắp cả hư không thế giới này cũng không sao dung chứa hết. Dầu cả trăm năm, ngày đêm niệm được mười muôn câu Phật Di-đà, mỗi câu diệt trừ tội nghiệp sinh tử trong tám mươi ức kiếp đi nữa, thì tội lỗi được diệt trừ đó chẳng khác nào như đất dính trên đầu móng tay, mà chưa thể diệt trừ tội nghiệp nhiều như đất trong đại địa. Chỉ khi nào có niệm đến nhất tâm bất loạn, thì đó chẳng khác nào kiện tướng đột phá vòng vây, dầu có ba quân cũng không thể nào cầm chân người ấy được. Vừa xưng niệm thì liền gieo trồng được hạt giống thành Phật, như Kim cương không thể bị đập vỡ.

Lúc Phật còn tại thế, có một ông lão xin Phật xuất gia. Năm trăm Thánh chúng đều cho rằng ông lão không có gốc lành, không chịu thế độ. Khi đến chỗ Phật, Phật liền độ ông. Độ tử hỏi Phật nguyên nhân, Đức Phật bèn dạy rằng: Trong vô lượng kiếp về trước, ông lão đã bị hổ dữ ép ngặt, trong lúc khiếp sợ ông la thất thanh: “Nam mô Phật”. Mãi đến ngày nay, gốc lành đó đã thuần thực, gặp được ta và được đắc đạo. Gốc lành đó, mắt của người Nhị thừa không thể thấy biết được.

Phẩm Phương Tiện trong kinh Pháp Hoa chép: “Những người tán tâm xưng danh trong thời Phật quá khứ đều đã thành Phật đạo”, lẽ đâu lại chẳng tin sao! Mong rằng kẻ Tăng người tục, kẻ trí người ngu đối với pháp môn đơn giản, dễ dàng, thẳng tắt viên đốn Vô thượng này, chớ cho là khó mà sinh tâm lui sụt, chớ cho là dễ mà sinh tâm biếng nhác chẳng chịu chuyên cần, chớ cho là cạn mà vọng sinh khinh khi, chớ cho là sâu mà chẳng dám đảm trách. Vì danh hiệu sở trì thật không thể suy nghĩ bàn luận, tâm tánh năng trì cũng vậy. Trì được một câu, thì một câu ấy không thể suy nghĩ bàn luận. Trì được mười, trăm, ngàn, muôn, vô lượng vô số tiếng thì mỗi câu đều cũng như thế.

## **2. *Khuyên chúng sinh nên trì danh hiệu Phật:***

KINH: Nay Xá-lợi-phất, Ta thấy, lợi ích ấy, nên nói lời này. Nếu chúng sinh nào được nghe lời này, thì nên phát nguyện sinh về cõi ấy.

Nói “Ta thấy” tức là cái thấy của mắt Phật, cái thấy biết thấu suốt rốt ráo.

### C. PHÂN LƯU THÔNG.

#### I. Khuyến khắp:

##### 1. Khuyến Tín lưu thông:

###### a. Tiêu đề:

KINH: Nay Xá-lợi-phất, như hôm nay ta, ngợi khen đến sự lợi ích công đức, không thể suy nghĩ bàn luận, của Phật Di-đà, các Thế giới phương Đông cũng có Phật: A-súc-bệ Phật, Tu-di Tướng Phật, Đại Tu-di Phật, Tu di Quang Phật Diệu âm, hằng hà sa số Chư Phật như thế tại nước của mình, mỗi vị đều le chiếc lưới rộng dài, che khắp tam thiên Đại Thiên thế giới, nói lời thành thật: Nay chư chúng sinh phải tin kinh khen ngợi bất khả tư nghị công đức nhất thiết Sở hộ niệm này.

Không thể suy nghĩ bàn luận có năm nghĩa:

1. Vượt thẳng ra khỏi ba cõi không cần phải dứt hoặc.
2. Ngay phương Tây đủ cả bốn cõi mà chẳng phải do tiệm chứng.
3. Chỉ cần trì niệm danh hiệu mà chẳng nhờ các phương tiện khác như Thiên quán.
4. Từ một ngày đến bảy ngày, chẳng phải đợi đến nhiều kiếp nhiều đời, nhiều tháng, nhiều năm.
5. Niệm danh hiệu một Đức Phật mà được Chư Phật che chở chẳng khác nào trì niệm danh hiệu tất cả Chư Phật.

A-súc-bệ, Hán dịch là Vô Động. Phật có vô lượng đức nên cũng có vô lượng tên gọi tương xứng. Các tên gọi ấy đều tùy cơ mà lập ra, hoặc từ nhân, hoặc từ quả, hoặc từ tánh, từ tướng, từ Hạnh Nguyên... Dù chỉ nêu một đức nhưng đủ cả bốn đức. Tùy theo mỗi một tên gọi mà nói lên được đức muốn nói đến. Nếu chỉ nói theo kiếp số tuổi thọ thì không thể nào cùng tận được, chỉ có thể dùng tâm để biết mà thôi.

Hư không ở phương Đông không cùng tận, nên Thế giới cũng không thể cùng tận. Thế giới không thể cùng tận, nên Chư Phật trụ thế cũng không thể cùng tận. Vì thế chỉ nêu một cách chung về Hằng hà sa số mà thôi. Chư Phật, mỗi vị đều le chiếc lưới rộng dài khuyên chúng sinh hãy tin kinh này, thế mà chúng sinh vẫn không tin, thì thật là quá ngu muội.

Nếu Chúng sinh, ba đời không nói dối thì lưới có thể le ra đến mũi. Quả Phật của Tạng giáo, ba đại A-tăng-kỳ kiếp không nói dối, thì lưới mỏng, rộng dài le ra có thể che cả mặt. Nay Chư Phật chứng minh cho pháp môn mẫu nhiệm của Tịnh độ Đại thừa, nên lưới che khắp Tam thiên Đại thiên thế giới. Điều đó chứng tỏ rằng lý thật là xứng tánh, chẳng sai lầm. Nêu ra tên kinh chính là kinh khen ngợi công đức không

thể suy nghĩ bàn luận được tất cả Chư Phật che chở. Ngài La-thập thuận theo ngôn ngữ Trung hoa khéo lược dịch tên kinh, khéo ứng hợp với căn cơ trì danh nên chỉ dịch là kinh Phật thuyết A-di-đà. Còn Ngài Huyền Trang đầy đủ cả lấy và bỏ nên dịch là Khen ngợi Tịnh độ Phật Nhiếp Thọ. Tên kinh thì có khác nhưng nghĩa thì không thay đổi.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, các thế giới phương Nam cũng có Phật: Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, hằng hà sa số Chư Phật như thế, ở tại nước của mình, mỗi vị đều le chiếc lưới rộng dài, che khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: Nay chúng sinh, cần phải kính tin kinh xưng tán Bất khả Tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật Sở Hộ Niệm này.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, các thế giới ở phương Tây cũng có Phật như: Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, hằng hà sa số Chư Phật như thế, tại nước của mình, mỗi vị đều le chiếc lưới rộng dài, che khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, nói lời thành thật rằng: Nay chúng sinh, cần phải kính tin Bất khả Tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật Sở Hộ Niệm này.

Hỏi: Phật Vô Lượng Thọ có phải là Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc hay không? Đáp: Cũng phải mà cũng không phải. Phật không có tướng ngã, để độ chúng sinh nên không ngại tự khen ngợi, nên gọi là phải. Còn không phải là vì trong mười phương, mỗi phương đều có vô lượng Chư Phật đồng danh.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, các thế giới phương Bắc cũng có Phật: Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sinh Phật, Vãng Minh Hằng hà sa số Chư Phật như thế, ở tại nước của mình, mỗi vị đều le chiếc lưới rộng dài, che khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Nay chúng sinh, cần phải kính tin Bất khả Tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật Sở Hộ Niệm này.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, các thế giới phương dưới giống có Phật: Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Hằng hà sa số Chư Phật như thế, tại nước của mình, mỗi vị đều le chiếc lưới rộng dài, che khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Nay chúng sinh, cần phải kính tin Bất khả Tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật Sở Hộ Niệm này.

Dưới lớp Thủy luân, Kim luân, Phong luân của thế giới này lại có thế giới dưới nữa như trời Phi phi tưởng cho đến lớp lớp thế giới vô tận

như vậy. Đạt ma, Hán dịch là pháp.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, các thế giới phương trên giống có Phật: Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diêm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu di Sơn Hằng hà sa số Chư Phật như thế, tại nước của mình, mỗi vị đều le chiếc lưới rộng dài, che khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, nói lời thành thật: Nay chúng sinh, cần phải kính tin Bất khả Tư nghị công đức Nhất thiết chư Phật Sở Hộ Niệm này.

Trên cõi trời Phi phi tưởng xứ trong thế giới này, lại có thế giới trên nữa như: Phong luân, Kim luân cùng ba cõi... lớp lớp vô tận thế giới như vậy.

Hỏi: Các phương đều có Tịnh độ, vậy vì sao chỉ khen ngợi riêng Tịnh độ phương Tây?

Đáp: Vấn đề này có năm nghĩa:

- Vì để người Sơ cơ dễ phát tâm.
- Vì bốn nguyện của Đức Di-đà cao quý.
- Vì Đức Phật đặc biệt có duyên với chúng sinh trong cõi này.
- Vì niệm một Đức Phật Di-đà tức là niệm vô số Phật;
- Vì sinh về một Tịnh độ ở phương Tây tức là sinh ra trong khắp vô số Tịnh độ. Nếu người tu ở quả vị thấp biết Tây phương vượt hơn các phương khác sẽ quyết chí chuyên cầu. Nếu người tu ở quả vị cao biết Tây phương nhiếp cả mười phương và bốn cõi thì cũng chẳng cần phải bỏ Tây phương mà riêng cầu thế giới Hoa tạng.

Nếu cho rằng Tây phương là Quyền giáo, Hoa tạng là Thật giáo, Tây phương là Tiểu thừa, Hoa tạng là Đại thừa, thì hoàn toàn rơi vào tình chấp biến kế của chúng sinh, vì người này chưa rõ biết được Quyền thực vốn một thể, Đại Tiểu vốn không tách.

*b. Giải thích tên kinh:*

KINH: Nay Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi là kinh được tất cả Chư Phật che chở? Nay Xá-lợi-phất, nếu có người thiện nam cùng thiện nữ nào, được nghe kinh này, phát tâm thọ trì, cùng nghe danh hiệu Nhất thiết Chư Phật, thì người thiện nam và thiện nữ đó, đều được Chư Phật che chở, đều không lui sụt đối với quả vị Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên, nay Xá-lợi-phất, các ông cần phải, tín nhận, những lời ta nói, và lời Chư Phật nói.

Kinh này trình bày tâm yếu Vô thượng mau chóng và giản dị, danh hiệu của Chư Phật, đồng thời cũng nói về muôn đức tốt ráo viên

mãn Vô thượng. Cho nên những người nghe kinh thọ trì và nghe danh hiệu Chư Phật, đều được Chư Phật che chở, đều được không lui sụt Đại Bồ-đề.

Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu Chư Phật mà không hề trì kinh, có được che chở và không lui sụt chăng ?

Đáp: Câu hỏi này được hiểu theo nghĩa hẹp và rộng. Kinh Chiêm Sát chép: Người có tâm tạp loạn cấu uế niệm danh hiệu Ta nhưng vẫn không gọi là nghe danh hiệu Ta, do không thể phát sinh sức tin hiểu chắc chắn, nên chỉ được quả báo phước lành của thế gian, mà không được sự lợi ích rộng lớn sâu xa mầu nhiệm. Nếu người niệm Phật đến Tam-muội Nhất hành thì thành tựu được tâm hạnh rộng lớn sâu xa mầu nhiệm, đó gọi là Tương tự Vô sinh pháp nhẫn, cũng chính là được nghe danh hiệu Chư Phật trong khắp mười phương. Muốn được như thế, thì khi đã được nghe rồi, phải chấp trì cho đến nhất tâm bất loạn, mới thật sự nghe danh hiệu Chư Phật, mới thật sự được Chư Phật che chở; đây là nghĩa hẹp. Còn như nghĩa rộng thì tâm từ bi của Chư Phật không thể suy nghĩ bàn luận, công đức của danh hiệu cũng không thể suy nghĩ bàn luận. Cho nên, một khi đã nghe được danh hiệu Phật, thì bất luận là hữu tâm hay vô tâm, tin tưởng hay bài bác đều cũng gây trồng được mầm duyên với Phật. Huống chi Chư Phật độ sinh chẳng hề lựa chọn kẻ oán người thân, thường giáo hóa chúng sinh không hề mỗi một. Cho nên hề nghe được danh hiệu Phật, chắc chắn được Chư Phật che chở, vậy còn nghi ngờ gì nữa!

Theo Kim Cương, Bát-nhã, Tam Luận thì Bồ-tát có gốc lành thuần thực mới được Chư Phật che chở, đó là các Bồ-tát thuộc Thập địa của Biệt giáo, Thập trụ của Viên giáo. Vì đứng về tự lực phải được Đồng sinh tánh (Thánh vị) mới được Chư Phật che chở.

Như nay nhờ Tha lực trợ giúp, nên từ Giai vị Tương tự thì đã được che chở, được đầy đủ ba loại không lui sụt. Cho đến một lần được nghe danh hiệu Phật, ngay đối với Đồng thể pháp tánh đã có được Đạo lực để nuôi lớn cho pháp tánh thêm lớn và thành tựu nhân “Không hề lui sụt”.

A-nậu-đa-la, Hán dịch là Vô thượng. Tam-niệm-tam Bồ-đề, Hán dịch chính là đẳng chánh giác, tức là quả giác của Đại thừa.

Công đức nghe danh hiệu Phật nhiệm mầu như vậy, Phật Thích-ca và Chư Phật khắp mười phương cùng nhau giảng nói, lẽ đâu ta lại không tin!

## **2. Khuyến nguyện lưu thông:**

KINH: Nay Xá-lợi-phất, nếu có người đã từng phát nguyện, đang phát nguyện sẽ phát nguyện muốn được sinh về thế giới Cực lạc của Phật Di-đà, thì người ấy không còn lui sụt trên đường tiến đến quả vị Bồ-đề Vô thượng. Vậy những người ấy, hoặc đã sinh, hoặc đang sinh, hoặc sẽ sinh về cõi nước đó. Thế nên, nay Xá-lợi-phất, những người thiện nam cùng thiện nữ nào, nếu có tín tâm, thì nên phát nguyện sinh về Cực lạc.

Nói đã phát nguyện thì đã sinh, đang phát nguyện thì đang sinh, sẽ phát nguyện thì sẽ sinh, chính là muốn chép: Hạnh nguyện được phát khởi từ tín tâm chẳng hề luống dối thì có thể chứng quả. Không có tín tâm thì không thể phát nguyện; không có Nguyện thì Tín cũng chẳng thể phát sinh. Cho nên văn kinh chép: “Nếu người nào có tín tâm thì nên phát nguyện”. Hơn nữa, Nguyện là nền tảng của Tín là then chốt của Hạnh. Do đó Nguyện rất quan trọng. Nói về Nguyện thì Tín và Hạnh đã có trong đó.

Hỏi: Nếu đang phát nguyện thì nói sẽ sinh, vì sao lại gọi là đang sinh?

Đáp: Câu hỏi này có hai nghĩa:

1. Y theo thời kỳ mà nói là nay. Ngay đời này phát nguyện trì danh, đến lúc qua đời chắc chắn được sinh về Tịnh độ. Đây là nghĩa rộng.

2. Y theo một Sát-na mà gọi là nay. Một niệm tương ưng thì một niệm được sinh, niệm niệm tương ưng thì niệm niệm được sinh. Nhân mầu nhiệm, quả mầu nhiệm chẳng lìa một tâm, như hai đầu cán cân. Xuống lên cùng một lúc. Như vậy thì cần gì phải đợi đến nghiệp báo ở Ta-bà này hết mới được sinh về ao báu! Ngay trong lúc này, nếu ta Tín Nguyện, trì danh thì ta cũng đã xa lìa cảnh giới Ta-bà này. Thật là pháp môn rất viên, rất đốn, khó nghĩ khó bàn, chỉ có bậc đại trí tuệ mới có thể tin sâu chắc.

### **3. Khuyến Hạnh lưu thông:**

Chư Phật cùng ngợi khen:

KINH: Nay Xá-lợi-phất, như ta hiện nay, khen ngợi công đức, không thể suy nghĩ bàn luận của Chư Phật, Chư Phật lại ngợi khen công đức không thể suy nghĩ bàn luận của chính thân ta, mà nói thế này: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Như lai hay làm những việc ít có khó làm, có khả năng ở trong cõi Ta-bà năm thứ vẫn đục: kiếp trước, kiến trước, phiền não, mạng trước và chúng sinh trước, chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng chánh giác có khả năng giảng nói pháp mà tất cả thế gian



khó tin hiểu cho chúng sinh nghe.

Công đức, trí tuệ của Chư Phật đều bình đẳng như nhau, nhưng khi giáo hóa thì khó dễ đều có. Ở trong Tịnh độ thành tựu đạo Bồ-đề thì dễ, mà ở trong đời Năm thứ vẫn đực thì khó. Nói pháp cho chúng sinh trong Tịnh độ thì dễ, mà nói pháp cho chúng sinh trong đời Năm thứ vẫn đực thì khó. Những pháp môn tiệm tu tiệm chứng cho chúng sinh trong cõi đời Năm thứ vẫn đực vẫn còn dễ, nói những pháp đốn tu đốn chứng thì khó. Nói những pháp đốn tu đốn chứng khác cho chúng sinh trong cõi đời Năm thứ vẫn đực vẫn còn dễ, chứ nói pháp môn Tịnh độ đốn chứng chóng siêu sinh này thì vô cùng khó. Nói Diệu quán của pháp môn Tịnh độ chóng siêu sinh, đốn tu đốn chứng cho chúng sinh trong đời Năm thứ vẫn đực vốn đã khó, mà giảng nói pháp môn không cần nhọc nhằn tu chứng, chỉ cần chấp trì danh hiệu, lên thẳng ngôi Không lui sụt, pháp môn đặc biệt lạ lùng, thù thắng vượt trội, ngoài sức suy nghĩ bàn luận, là bậc nhất phương tiện như thế này, thì thật là điều khó nhất trong tất cả điều khó. Cho nên Chư Phật mười phương đều tôn xưng Đức Phật Thích-ca là vị Phật đồng mãnh hơn hết.

Năm thứ vẫn đực gồm:

1. Kiếp trước: Là thời kỳ mà tất cả pháp loạn trước nhóm hợp.
2. Kiến trước: Là thời kỳ mà năm thứ lợi sử và tà kiến rất lừng lẫy, đó là: Thân kiến, biên kiến, Giới thủ và các thứ Tà kiến. Năm thứ lợi sử này thường làm chúng sinh mê muội chìm đắm, nên gọi là Trước (vẫn đực).
3. Phiền não trước: Là thời kỳ mà năm thứ độn sử và các phiền não lừng lẫy. Đó là tham, sân, si, mạn, nghi. Năm thứ này não loạn thân tâm chúng sinh, nên gọi là trước.
4. Chúng sinh trước: Do các thứ phiền não chiêu cảm mà có năm ấm thô tế hòa hợp với nhau, tạm gọi là chúng sinh. Sắc tâm này đều là những thứ dơ xấu thấp hèn, gọi là trước.
5. Mạng trước: Nhân quả thấp hèn, tuổi thọ đều ngắn ngủi, dài lắm cũng không quá trăm năm, nên gọi là trước.

KINH: Nay Xá-lợi-phất, ông nên biết rằng, ta đang ở trong cõi đời ác năm thứ vẫn đực, thực hành Phật sự khó làm như vậy, mà chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Ta lại có khả năng vì tất cả thế gian giảng nói chánh pháp khó tin như vậy, quả là việc làm thật vô cùng khó.

## **II. Kết khuyến:**

KINH: Khi ấy Đức Phật nói kinh này rồi, ngài Xá-lợi-phất cùng các Tỳ-kheo, tất cả thế gian, trời, người, Tu-la... nghe Phật nói xong vui

mừng tín nhận, lễ Phật lui ra.

Pháp môn không thể suy nghĩ bàn luận khó tin khó hiểu, nên không một người nào có khả năng thưa hỏi. Trí Phật quán cơ, biết cơ duyên thành Phật của chúng sinh đã chín muồi, nên dù chẳng ai thưa hỏi mà Phật vẫn tự nói, giúp cho chúng sinh được bốn thứ lợi ích. Đó chẳng khác nào trận mưa pháp đúng thời, nên khiến chúng sinh vui mừng tín nhận. Thân tâm đều vui mừng phấn khởi, nên gọi là “Vui mừng”. Không mảy may nghi ngờ, nên gọi là “Tín”. Chúng sinh nhận lấy tất cả nghĩa lý mà chẳng quên sót, nên gọi là Thọ. Chúng sinh cảm kích ân đức lớn của Phật gieo mình sát đất mà quy mạng, nên gọi là “lễ Phật”. Đúng như lời dạy ấy mà tu hành, một mạch thẳng tiến chẳng hề lui sụt, nên gọi là “Lui ra”.

### -----

### **LỜI BẠT**

Kinh chép: “Đời mạt pháp có ỨC ỨC người tu hành, nhưng ít thấy một người đặc đạo, chỉ nương nhờ vào pháp môn niệm Phật này mà được độ thoát.”

Than ôi! Nay chính là lúc mạt pháp rồi, nếu chúng ta bỏ pháp môn niệm Phật không thể suy nghĩ bàn luận này, thì còn pháp nào để ta nương tựa tu hành nữa!

Trí Húc tôi, khi mới xuất gia, tự ý mình là con nhà Thiên tông, khinh thường giáo điển, vọng cho pháp môn trì danh chỉ dành cho hạng trung căn, hạ căn. Về sau, vì bệnh nặng mới phát tâm cầu sinh Tây phương. Tôi lại nghiên cứu Diệu Tông Sao, Viên Trung Sao và các bộ sơ sao khác của Ngài Vân Thê, mới hay rằng pháp môn Tam-muội niệm Phật, thật là viên ngọc châu rất quý giá, ngay đó tôi mới chịu dốc lòng và chấp trì danh hiệu bằng sự quyết tâm tưởng chừng cả muôn con trâu cũng không tìm lại được.

Bạn thân tôi là Bồ tát Khử Bệnh từ lâu đã hành trì pháp môn này. Ông muốn mở rộng yếu chỉ của bộ kinh này, nhưng không muốn quá chú trọng về ngôn từ, nên mời tôi soạn phần **YẾU GIẢI**. Tôi cũng muốn khắp pháp giới hữu tình đồng sinh về Cực lạc, nên không chối từ. Thế là tôi bắt đầu viết vào ngày 27 tháng 9 năm Đinh Hợi, đến mồng 5 tháng 10 thì xong, tổng cộng chín ngày. Tôi nguyện rằng mỗi câu, mỗi một chữ trong phần Yếu Giải này đều là những món tư lương thiết thực cho hành giả; kẻ thấy người nghe đều được lên ngôi vị Không lui sụt; kẻ tin

---

người nghi đều gieo mầm Phật đạo; kẻ ngợi khen người chê bai thấy đều được giải thoát. Tôi kính mong Chư Phật Bồ-tát cùng nhiếp thọ và chứng minh cho, tất cả bè bạn đồng học cùng tùy hỷ che chở cho.

Đạo nhân Tây Hữu, hiệu Ngẫu Ích Trí Húc viết lời bạt này năm bốn mươi chín tuổi.

-----

### ***LỜI BẠT KHẮC DI-ĐÀ YẾU GIẢI***

Kinh chép: “Ba cõi Duy tâm, muôn pháp Duy thức”. Người xưa lại chép: “Niệm Di-đà tự tánh cầu sinh Tịnh độ duy tâm”. Kết hợp cả hai lời trên mà xét, thì nghĩa mâu của câu “Tâm này thành Phật, tâm này là Phật, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm”

Do người đời sau không rõ biết được nghĩa ấy, nên bỏ Cực lạc Tây phương mà chỉ nói riêng về Tịnh độ duy tâm, bỏ muôn đức Từ Tôn mà chỉ nói về Di-đà tự tánh. Chẳng khác nào ngoài tâm có Phật, ngoài Phật có tâm đâu!

Đại sư Linh Phong ngộ sâu được thể của tâm tánh vốn không có trong ngoài, mới đặc biệt soạn phần Yếu Giải cho bộ kinh này. Một khi gỡ ra đọc đến, những người có Tín, Nguyện, Trì danh đều có thể tự quyết định cho mình. Đối với phần YẾU GIẢI này, với lời văn dón gọn, nghĩa lý sâu xa, còn giúp cho tông chỉ ít thấy khó gặp này dội vang như tiếng mõ, tiếng trống. Nó mở toang cả tạng kinh mà chẳng còn cho giấu điều gì cả. Thật là bộ sách hiếm thấy từ xưa đến nay. Vì vậy lấy tên là YẾU GIẢI chính là muốn mở rộng tâm yếu Vô thượng này.

Đệ tử Tịnh độ Cổ Ngộ, hiệu Chánh Tri, tự Khứ Bệnh kính ghi.

